

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI**



**ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
MÃ NGÀNH: 8340101**

Đồng Nai – 2024

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 267/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 17 tháng 7 năm 2024
của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai)

Tên ngành đào tạo : Quản trị Kinh doanh
Mã số : 8340101
Tên cơ sở đào tạo : Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai
Trình độ đào tạo : Thạc sĩ

I. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

1.1. Giới thiệu một vài nét về cơ sở đào tạo

Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai (tên tiếng Anh là Dong Nai Technology University) thành lập theo Quyết định số 929/QĐ- TTg ngày 16/6/2011 của Thủ tướng Chính Phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Đồng Nai (thành lập ngày 3/10/2005) có trụ sở tại Khu phố 5, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Sứ mệnh: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng dựa trên nền tảng công nghệ và trải nghiệm; nghiên cứu ứng dụng khoa học và chuyển giao tri thức đáp ứng nhu cầu xã hội, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững.

Tầm nhìn: Đến năm 2035, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai trở thành Trường Đại học nghiên cứu ứng dụng có uy tín ở trong nước và khu vực, với môi trường giáo dục hiện đại tất cả vì người học và phục vụ cộng đồng.

Giá trị cốt lõi: Trung thành - Trách nhiệm - Sáng tạo.

Qua hơn 18 năm thành lập và phát triển, trường Đại học Công nghệ Đồng Nai lớn mạnh, cơ sở vật chất hiện đại cùng những tiện ích học tập tiêu chuẩn quốc tế, gồm các công trình là giảng đường, phòng học lý thuyết; khu thí nghiệm, thực hành; Trung tâm Thông tin - Thư viện; khu Ký túc xá.... Với các trang thiết bị được đầu tư, lắp đặt phục vụ tốt cho công tác đào tạo, giảng dạy và học tập của Nhà trường. Cơ sở vật chất cùng trang thiết bị hiện đại tạo thành điểm nhấn, lan tỏa tích cực trong cộng đồng sinh viên.

Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai đào tạo bậc đại học, Cao học và Tiến sĩ hệ chính quy tập trung. Tính đến tháng 31 tháng 12 năm 2023, Trường có 6215 sinh viên đang theo học tại 09 khoa, 16 ngành đại học và 87 học viên sau đại học. Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai là một trường đại học đa ngành, 16 ngành đại học được tổ chức thành 04 nhóm ngành (Công nghệ - Kỹ thuật, Khoa học sức khỏe; Kinh doanh quản lý và Nhân văn); 02 ngành thạc sĩ và 01 ngành tiến sĩ. Nhà trường đã có 09 khoá tốt nghiệp bậc đại học. Đội ngũ cán bộ - giảng viên cơ hữu ngày một lớn mạnh, cùng với đội ngũ giảng viên thỉnh giảng uy tín, đảm bảo chất lượng hoạt động điều hành và đào tạo của Nhà trường. Tính đến ngày 30 tháng 5 năm 2024, Nhà Trường có 02 Giáo sư, 19 Phó Giáo sư, 83 Tiến sĩ và 259 Thạc sĩ, trong đó nhiều giảng viên, nghiên cứu viên được đào tạo bài bản, dài hạn ở các

nước phát triển. Với Chiến lược phát triển nguồn nhân lực đến năm 2035, Nhà trường tự tin đáp ứng được nhu cầu phát triển của xã hội và hội nhập quốc tế. Kết quả khảo sát gần nhất cho thấy 96% sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp (số liệu ngày 31/12/2023). Những con số trên phản ánh trung thực năng lực đào tạo của Nhà trường trong việc đáp ứng được nhu cầu của xã hội.

Về cơ cấu tổ chức: gồm 09 khoa đào tạo chuyên ngành gồm (Khoa Kinh tế - Quản trị; Khoa Kế toán - Tài chính; Khoa Công nghệ; Khoa Kỹ thuật; Khoa Khoa học sức khỏe; Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Ngoại ngữ, Khoa Truyền thông và Thiết kế và Khoa Khoa học cơ bản), 09 phòng chức năng (Phòng Đại học, Phòng Sau đại học, Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Tài chính - Kế toán; Phòng Thanh tra - Pháp chế; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; Phòng Khoa học công nghệ - Hợp tác quốc tế; Phòng Công tác sinh viên và Phòng Quản trị thiết bị), 02 Trung tâm (Trung tâm Thông tin - Thư viện, Trung tâm Hợp tác doanh nghiệp và Cựu người học) và 01 Viện Nghiên cứu và Ứng dụng khoa học công nghệ.

Về kiểm định chất lượng: Trải qua 12 năm hình thành và phát triển ở môi trường đại học, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai đã khẳng định được thương hiệu của mình trên bản đồ giáo dục Việt Nam. Tháng 6/2018, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai được công nhận đạt “tiêu chuẩn chất lượng giáo dục Quốc gia” ở lần kiểm định cơ sở giáo dục đầu tiên; tháng 8/2023, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai đạt kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục lần 2. Trường có 11 chương trình được công nhận đạt kiểm định chất lượng quốc gia vào năm 2019, 2020, 2021 (ngành Công nghệ thực phẩm; ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; ngành Công nghệ thông tin; ngành Kế toán; ngành Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành; ngành Công nghệ chế tạo máy; ngành Ngôn ngữ Anh; ngành Tài chính – Ngân hàng; ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô; ngành Quản trị kinh doanh; ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sỹ).

Về hợp tác quốc tế: Hoạt động hợp tác quốc tế của Trường hướng đến mục tiêu phát triển Trường Đại học Công Nghệ Đồng Nai trở thành trường đại học nghiên cứu, có uy tín quốc tế, và phát triển bền vững. Trường duy trì hợp tác với các trường đại học uy tín trên thế giới thông qua các chương trình trao đổi ngắn hạn (chương trình thực tập, chương trình trao đổi văn hoá, chương trình nghiên cứu ngắn hạn...) và những chương trình khoa học công nghệ có sự tham gia của các nhà khoa học danh tiếng trên thế giới. Chương trình hợp tác quốc tế được xây dựng trên tinh thần tạo ra giá trị cốt lõi trong đào tạo, cung cấp cho người học những trải nghiệm có giá trị, tiếp cận với nền giáo dục tiên tiến trên thế giới, tạo cơ hội cho sinh viên trở thành những “công dân toàn cầu”, sống và làm việc ở nhiều quốc gia khác nhau, xác lập được vị trí trên thị trường lao động quốc tế. Một số hoạt động hợp tác quốc tế nổi bật của Nhà trường như: chương trình đưa sinh viên đi trao đổi tại Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản; chương trình tiếp đón sinh viên quốc tế và trao đổi văn hoá.

Về cơ sở vật chất: Cơ sở của Trường đặt tại địa chỉ Đường Nguyễn Khuyến, Khu phố 5, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Tổng diện tích Trường Đại học Công Nghệ Đồng Nai là 76.130 m², với diện tích xây dựng hiện hữu là 47.370 m², gồm các công trình là giảng đường, phòng học lý thuyết; khu thí nghiệm, thực hành; Trung tâm Thông tin - Thư viện; khu Ký túc xá; Khu Thể thao; Khu hiệu bộ hành chính và các công trình phụ trợ khác như khu căn tin, bãi giữ xe,... Môi trường học tập khang trang, hiện đại với môi trường sinh thái xanh, tuyệt đẹp là niềm tự hào của sinh viên trường Đại học Công nghệ Đồng Nai.

- Ký túc xá: Ký túc xá của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai chính thức đi vào hoạt động từ tháng 8/2009 (giai đoạn còn là Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Đồng Nai), nằm trong khuôn viên Nhà trường, thuận tiện việc học tập, sinh hoạt vui chơi thể thao. Có 05 tầng (Trệt, 2, 3, 4, 5) 80 phòng và 560 chỗ ở với tổng diện tích sàn: 5181m². Tầng trệt là canteen, gần nhà để xe, Trung tâm thể thao, cách Trung tâm Thư viện 50m. Ký túc xá đảm bảo nhu cầu sinh hoạt và học tập của sinh viên: phủ sóng mạng wifi, canteen, các khu vực cung cấp nước nóng miễn phí, nhà để xe. Ký túc xá ưu tiên cho sinh viên các tỉnh về học tập, đặc biệt là sinh viên năm nhất. Sinh viên có thể đăng ký chỗ ở ký túc xá ngay trong ngày làm thủ tục nhập học đầu khóa.

- Hội trường, phòng học, thư viện: Hội trường của Trường có sức chứa 800 chỗ và các phòng học lớn trên 200 chỗ (01 phòng), Phòng học từ 50 - 100 chỗ (40 phòng), phòng học dưới 50 chỗ (49 phòng), phòng học đa phương tiện (01 phòng) và Trung tâm Thông tin - Thư viện.

- Phòng thực hành và thí nghiệm: Ngoài các cơ sở vật chất đã nêu trên, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai còn có 40 phòng thí nghiệm, phòng thực hành, chuyên dụng sau:

+ Phòng mô phỏng nghiệp vụ dành cho sinh viên Kế toán, Tài chính – Ngân hàng, Quản trị kinh doanh (Phòng thực hành Nhà hàng khách sạn và Phòng kinh doanh).

+ Phòng cabin sử dụng thi tiếng anh và 15 phòng học tiếng anh chuyên dụng cho ngành Ngôn ngữ Anh và các ngành khác.

+ Phòng thí nghiệm của ngành Môi trường và Công nghệ Sinh học (05 phòng): với rất nhiều thiết bị như: Bếp hồng ngoại, bộ lọc chân không, cân phân tích, cân kỹ thuật, dụng cụ đếm vi sinh, hệ thống chưng cất mẫu, máy BOD, máy bơm định lượng, máy DO, máy đo độ dẫn điện, máy đo độ ồn, máy đo nhiệt độ, độ ẩm không khí, máy khuấy từ gia nhiệt, máy li tâm, máy đo pH, máy quang phổ, máy so màu, máy chưng cất nước, máy đo vi khí hậu, máy lọc CO₂, thiết bị đốt nóng mẫu, tủ sấy, tủ ẩm, máy vortex, máy ly tâm, máy đo tiếng ồn, máy rửa siêu âm, tủ hút khí độc, tủ cấy vi sinh, dụng cụ đếm vi sinh, hệ thống chưng cất mẫu, máy khuấy, máy li tâm, máy điện di, máy chạy PCR, máy lắc, kính hiển vi, máy đo OD, máy sấy thăng hoa, tủ sấy, tủ ủ, máy phá đập, máy đo UV-Vis...,

+ Phòng thí nghiệm Khối ngành sức khỏe: Ngành Điều dưỡng và Kỹ thuật Xét nghiệm Y học (04 phòng): gồm các loại thiết bị, dụng cụ phục vụ chăm sóc, điều trị, phục hồi chức năng cho người bệnh, mô hình, đầy đủ các thiết bị, dụng cụ thu và phân tích mẫu phục vụ xét nghiệm y học.

+ Xưởng thực hành cơ khí - ô tô (khu thực hành nhà F): 06 phòng.

+ Phòng thực tế ảo Innovation Lab (khu thực hành nhà F): 02 phòng.

+ Phòng Lab tin học: 03 phòng.

+ Phòng thực hành studio: 01 phòng.

- Trung tâm Thông tin - Thư viện: được thiết kế một tòa nhà 2 tầng, Nhà C có diện tích sử dụng 3.123 m² bao gồm:

+ Kho sách tiếng việt và kho sách Ngoại văn, khu vực đọc chuyên sâu của các chuyên ngành đào tạo (kho tài liệu môn học), kho luận văn/luận án/khoá luận tốt nghiệp, khu vực học tập chung với 500 chỗ ngồi riêng biệt theo mô hình không gian mở, khu vực nghiên cứu với hệ thống máy tính tra cứu tài liệu, truy cập cơ sở dữ liệu, khu vực đọc báo

- tạp chí, 03 phòng hội thảo, 03 phòng học nhóm, 16 máy tính phục vụ bạn đọc tra cứu và sử dụng tài liệu điện tử, 38 máy lạnh công suất lớn,... nhằm cung cấp không gian, dịch vụ và nguồn tài liệu học thuật phong phú phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu, phát huy tính tích cực chủ động và sáng tạo trong học tập của người học.

+ Về nguồn tài liệu: hiện nay thư viện có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài, bao gồm: Giáo trình, sách tham khảo, sách tiếng Việt (3.949 đầu sách tương đương 9.861 bản), Giáo trình, sách tham khảo, sách nước ngoài (1.941 đầu sách tương đương 6.348 bản). Nhà Trường có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu quốc tế về sách và tạp chí khoa học liên quan và đáp ứng yêu cầu của ngành Quản trị kinh doanh.

+ Cơ sở dữ liệu trực tuyến (sachweb.com): với hơn 2.400 ebook bao gồm các loại tài liệu đọc trực tuyến như: Giáo trình, kinh tế, văn hóa xã hội...cùng với gần 20 nguồn tài nguyên truy cập mở thu thập từ các nguồn trong nước và trên thế giới. Ngoài ra Thư viện cũng là thành viên của Trung tâm Tri thức số: Kết nối thư viện số dùng chung - Đổi mới sáng tạo với 88 thành viên là thư viện các trường đại học, học viện ở Việt Nam, giúp cho người học có thể kết nối đến nguồn tri thức số khổng lồ, phục vụ cho nhu cầu tự học, tự nghiên cứu và phát triển sáng tạo.

+ Hợp tác liên thư viện: Thư viện Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai tăng cường hợp tác chia sẻ tài liệu với các cơ sở giáo dục và trung tâm thông tin - thư viện như hợp tác với Trường Đại học Mở - Địa chất Hà Nội, Trường Đại học Hùng Vương Phú Thọ, Trường Đại học Bình Dương, Trường Đại học Thủ Dầu Một, Trường Đại học Đông Á, Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch,... Ngoài ra Thư viện cũng là thành viên của Trung tâm Tri thức số: Kết nối thư viện số dùng chung - Đổi mới sáng tạo là “Trung tâm tri thức số” đầu tiên của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam cung cấp tri thức số cho Hệ tri thức Việt số hóa của Chính phủ. Tích hợp tri thức số khoa học quốc gia, khu vực và quốc tế, tối ưu hóa hệ tri thức số quốc gia.

+ Phần mềm quản lý: Với việc ứng dụng công nghệ thông tin, hiện Thư viện đang sử dụng các phần mềm Quản lý Thư viện tích hợp phần mềm CDS giúp quản lý bổ sung, biên mục, lưu thông, quản lý tài liệu điện tử, phân hệ quản lý tài nguyên môn học, báo tạp chí chuyên ngành và mục lục tra cứu công cộng trực tuyến thông qua cổng thông tin Thư viện số <https://lib.dntu.edu.vn>.

1.2. Sự cần thiết về việc mở ngành

1.2.1. Sự phù hợp về nhu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế-xã hội của địa phương, vùng, cả nước và của lĩnh vực đào tạo đảm bảo hội nhập quốc tế

a) Sự phù hợp đối với địa phương, vùng, quốc gia

Với tốc độ phát triển kinh tế đáng kinh ngạc ở Việt Nam nói chung và khu vực miền Nam nói riêng thì số lượng tuyển sinh ngành Quản trị kinh doanh hằng năm ở các trường Đại học – Cao đẳng hiện tại vẫn chưa thể đáp ứng được, nhất là ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ để đáp ứng nhu cầu xã hội cũng như sự phát triển kinh tế vượt bậc. Tình hình này tạo ra một cơ hội lớn cho các cơ sở giáo dục tại Việt Nam trong việc cung cấp kiến thức nền tảng, kỹ năng và kinh nghiệm cho các chuyên viên và các nhà quản lý doanh nghiệp tương lai nhằm góp phần xây dựng nền kinh tế Việt Nam trở thành một nền kinh tế phát triển bền vững.

Tỉnh Đồng Nai và vùng Đông Nam Bộ là khu vực kinh tế trọng điểm của Việt Nam, đóng góp lớn vào GDP cả nước. Với sự phát triển mạnh mẽ của các khu công nghiệp, khu

chế xuất và các doanh nghiệp trong và ngoài nước, khu vực này đang trở thành trung tâm công nghiệp, thương mại và dịch vụ quan trọng. Tuy nhiên, để duy trì và phát triển bền vững, nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, ngày càng trở nên cấp thiết.

Đồng Nai là một trong những tỉnh có tốc độ phát triển kinh tế nhanh nhất cả nước, với nhiều khu công nghiệp lớn như Amata, Biên Hòa, Nhơn Trạch. Nhu cầu về các nhà quản lý có trình độ cao để điều hành các doanh nghiệp, dự án đầu tư là rất lớn. Đối với vùng Đông Nam Bộ, khu vực này còn bao gồm các tỉnh thành như TP.HCM, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, đây là khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam. Sự phát triển mạnh mẽ của các ngành công nghiệp, dịch vụ và thương mại đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

Chương trình thạc sĩ Quản trị Kinh doanh còn giúp nâng cao năng lực quản trị cho các cán bộ và người lao động tại các doanh nghiệp địa phương, từ đó hỗ trợ sự phát triển bền vững của các doanh nghiệp này. Việc nâng cao trình độ quản trị không chỉ giúp doanh nghiệp hoạt động hiệu quả hơn mà còn góp phần tăng cường sức cạnh tranh trên thị trường. Ngoài ra, việc mở chương trình thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Đồng Nai và vùng Đông Nam Bộ sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự hợp tác giữa các doanh nghiệp và cơ sở đào tạo. Các doanh nghiệp có thể hợp tác với các trường đại học để xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tiễn, cũng như cung cấp cơ hội thực tập và việc làm cho học viên.

b) Sự phù hợp với lĩnh vực của ngành, hội nhập quốc tế

Trong thời kỳ hội nhập, một loạt chính sách về ngoại thương, nguồn nhân lực cho khu vực sẽ tạo bước tiến mới cho các quốc gia có tiềm năng về con người, tài nguyên và đầu tư nước ngoài, trong đó có Việt Nam. Theo dự báo về nhu cầu nhân lực qua đào tạo phân theo 8 nhóm ngành của khu vực Đông Nam Bộ giai đoạn 2020 đến 2030 trong những năm tới, mỗi năm cần khoảng 84.150 lao động/năm trong nhóm ngành Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng - Pháp luật - Hành chính và chiếm khoảng 33% tổng nhu cầu lao động các nhóm ngành. Trong đó nhu cầu tuyển dụng nhân lực có trình độ trên đại học chiếm 2% tương đương 6.000 lao động/năm. Như vậy nhu cầu tuyển dụng nhân lực qua đào tạo nhất là trình độ cao của các doanh nghiệp là khá lớn.

Hiện nay có nhiều thông tin cho rằng: nhân lực khối ngành kinh tế đang bão hòa, học ngành kinh tế sẽ không có việc làm. Tuy nhiên, nhân lực khối ngành kinh tế không dư thừa mà chỉ dư thừa nguồn nhân lực không đáp ứng nhu cầu. Riêng nguồn nhân lực đáp ứng đúng nhu cầu vẫn rất thiếu. Bên cạnh đó, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, trường Đại học đào tạo chuyên ngành thạc sĩ quản trị kinh doanh còn hạn chế, vì vậy việc mở chuyên ngành này tại trường Đại học Công nghệ Đồng Nai không chỉ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng cho nhu cầu phát triển của các doanh nghiệp, các viện nghiên cứu, các trường đại học, mà còn cung cấp nguồn nhân lực cho các tỉnh lân cận như Bình Dương, TP.HCM, Bình Thuận, Lâm Đồng, Vũng Tàu, v.v.

c) Phù hợp với quy hoạch (đã được duyệt) cấp bộ, ngành, địa phương, chiến lược cấp Nhà nước

Quyết định 899/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 xác định “duy trì tỷ lệ nhân tài thu hút vào làm việc ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước không dưới 20% so với tổng số các trường hợp tuyển dụng mới hàng năm”. Do đó, đào tạo thạc sĩ Quản trị Kinh doanh phù

hợp với chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Nhà nước đang chú trọng đến việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực quản lý, kinh doanh và công nghệ. Điều này được thể hiện rõ trong các nghị quyết, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ, nhằm đưa Việt Nam trở thành một quốc gia công nghiệp theo hướng hiện đại.

Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2023 về việc triển khai thực hiện nghị quyết số 06/NQ-CP nêu rõ rằng “Tổ chức đào tạo, cung ứng kịp thời nhân lực cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp FDI là nhiệm vụ quan trọng”. Ngoài ra, báo cáo quy hoạch tổng thể tỉnh Đồng Nai đến 2030, tầm nhìn đến 2050 đã xác định “phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo, các tổ hợp giáo dục, đào tạo chuyên sâu cho vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, bao gồm hình thành hệ sinh thái nghiên cứu, đào tạo KHCN, khuyến khích sáng tạo khởi nghiệp mang tính đổi mới” là 1 trong 5 bước đột phá của tỉnh. Do đó, có thể khẳng định rằng đào tạo thạc sĩ Quản trị Kinh doanh sẽ đáp ứng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực tại địa phương.

1.2.2. Sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo:

Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai là một cơ sở giáo dục đa ngành, đảm bảo cung cấp có uy tín và chuẩn mực về những dịch vụ về đào tạo và nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực kỹ thuật- công nghệ, kinh tế, xã hội- nhân văn nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực có chất lượng cao và chuyển giao những thành quả nghiên cứu phục vụ phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Đồng Nai nói riêng và cả nước nói chung.

Với sứ mệnh là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và đóng góp tích cực vào sự thay đổi lối sống, cách tư duy.

- Sứ mệnh: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng dựa trên nền tảng công nghệ và trải nghiệm; nghiên cứu ứng dụng khoa học và chuyển giao tri thức đáp ứng nhu cầu xã hội, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững.

- Tầm nhìn: Đến năm 2035, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai trở thành Trường Đại học nghiên cứu ứng dụng có uy tín ở trong nước và khu vực, với môi trường giáo dục hiện đại, tất cả vì người học và phục vụ cộng đồng.

- Giá trị cốt lõi: Trung thành - Trách nhiệm - Sáng tạo

- Triết lý giáo dục: Chuyên nghiệp – Tận tâm – Vươn tầm hội nhập.

Sau 20 năm được thành lập và thực hiện nhiệm vụ của Bộ Giáo dục và Đào tạo giao, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận.

a) Phù hợp với chức năng và nhiệm vụ của trường

Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai đã xác định rõ chức năng và nhiệm vụ chính của mình là cung cấp dịch vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực kỹ thuật- công nghệ, kinh tế, xã hội- nhân văn nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao và chuyển giao những thành quả nghiên cứu phục vụ phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Đồng Nai và cả nước. Việc mở ngành thạc sĩ Quản trị Kinh doanh hoàn toàn phù hợp với chức năng này, bởi:

Ngành thạc sĩ Quản trị Kinh doanh là một trong những ngành trọng điểm trong lĩnh vực kinh tế, giúp đào tạo các nhà quản lý, lãnh đạo doanh nghiệp thích ứng với thị trường lao động hiện đại và yêu cầu phát triển kinh tế. Việc mở ngành này tại Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai sẽ đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao

Chương trình thạc sĩ Quản trị Kinh doanh sẽ tạo điều kiện cho việc nghiên cứu các mô hình kinh doanh, quản lý hiệu quả và phát triển bền vững, từ đó đóng góp vào việc phát triển kinh tế địa phương và quốc gia. Việc mở ngành này tại Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai sẽ tăng cường năng lực nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học-công nghệ.

b) Phù hợp với chiến lược phát triển của trường

Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai đặt ra chiến lược phát triển rõ ràng với tầm nhìn trở thành một trường đại học nghiên cứu ứng dụng có uy tín trong nước và khu vực vào năm 2035, với môi trường giáo dục hiện đại, tất cả vì người học và phục vụ cộng đồng. Việc mở ngành thạc sĩ Quản trị Kinh doanh phù hợp với chiến lược này qua các điểm sau:

Nâng cao uy tín và tầm ảnh hưởng: Mở ngành thạc sĩ Quản trị Kinh doanh sẽ giúp trường nâng cao uy tín trong lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu kinh tế, khẳng định vị thế của mình trong hệ thống giáo dục đại học.

Phát triển môi trường giáo dục hiện đại: Chương trình thạc sĩ Quản trị Kinh doanh sẽ được xây dựng trên nền tảng công nghệ hiện đại và trải nghiệm thực tế, phù hợp với triết lý giáo dục của trường là Chuyên nghiệp – Tận tâm – Vươn tầm hội nhập.

Đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế: Ngành Quản trị Kinh doanh sẽ đào tạo ra các nhà quản lý, lãnh đạo doanh nghiệp hội nhập quốc tế, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động toàn cầu, góp phần phát triển kinh tế bền vững.

c) Phù hợp với giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục

Giá trị cốt lõi của nhà trường là “Trung thành - Trách nhiệm - Sáng tạo”. Do đó, ngành thạc sĩ Quản trị Kinh doanh sẽ rèn luyện cho học viên những giá trị cốt lõi này, giúp họ trở thành những nhà quản lý trung thành với mục tiêu của doanh nghiệp, trách nhiệm với xã hội và sáng tạo trong công việc.

Bên cạnh đó, triết lý giáo dục của nhà trường là “Chuyên nghiệp – Tận tâm – Vươn tầm hội nhập”. Cho nên, chương trình đào tạo sẽ chú trọng vào việc phát triển kỹ năng chuyên nghiệp, tận tâm trong công việc và khả năng hội nhập quốc tế, đúng với triết lý giáo dục của trường.

Tóm lại, việc mở ngành thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai không chỉ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của trường mà còn góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai và cả nước.

1.2.3. Kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh

a) Về nhu cầu sử dụng lao động: Bảng dưới đây cho thấy, trong giai đoạn 2023-2025, các đơn vị khảo sát có nhu cầu tuyển dụng khoảng 287-391 người có bằng thạc sĩ, trong đó nhu cầu tuyển dụng thạc sĩ Quản trị Kinh doanh là từ 111-170 người.

Bảng 1. Kết quả khảo sát người sử dụng lao động về nhu cầu tuyển dụng thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

TT	Các đơn vị khảo sát	Nhu cầu tuyển dụng thạc sĩ (người)	Nhu cầu tuyển dụng thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (người)
1.	Đại học Lạc Hồng	22-26	9-11

TT	Các đơn vị khảo sát	Nhu cầu tuyển dụng thạc sĩ (người)	Nhu cầu tuyển dụng thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (người)
2.	Đại học Công nghệ Đồng Nai	27-35	11-17
3.	Đại học Đồng Nai	29-33	13-18
4.	Trường Sĩ Quan Lục Quân 2	11-15	4-8
5.	Đại Học Lâm Nghiệp (Cơ sở 2)	14-19	6-12
6.	Đại học Công nghệ Miền Đông	39-47	15-20
7.	Đại học Văn Lang	40-50	11-16
8.	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Đồng Nai	15-21	8-11
9.	Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	12-22	4-9
10.	Trường Cao đẳng nghề số 8- Bộ Quốc phòng	11-15	2-5
11.	Trường Cao đẳng nghề LiLama – 2	10-14	4-7
12.	Trường Cao đẳng nghề Đồng Nai	16-26	7-9
13.	Viện nghiên cứu phát triển Doanh nghiệp vừa và nhỏ	7-11	2-4
14.	Viện Nghiên Cứu Khoa Học Giáo Dục	9-14	3-5
15.	Tổng Công ty Tín Nghĩa	5-9	2-4
16.	Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt nam	4-8	2-3
17.	Công ty Vedan Việt Nam	5-9	3-4
18.	Công ty Ajinomoto	6-7	2-3
19.	Công ty Bibica	5-10	3-4
Tổng cộng		287-391	111-170

Nguồn: Kết quả khảo sát, 2023

Ngoài ra, nhà tuyển dụng cũng đề xuất 11 yêu cầu mà người tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị Kinh doanh phải có. Trong đó “am hiểu thực tế liên quan đến điều hành doanh nghiệp” được yêu cầu nhiều nhất, chiếm tỷ trọng 86,87%.

Bảng 2. Các yêu cầu về năng lực và trình độ của người tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

STT	Các năng lực và trình độ yêu cầu	%
1	Tổng hợp và phân tích các lý thuyết trong Quản trị Kinh doanh	78,74
2	Am hiểu thực tế liên quan đến điều hành doanh nghiệp	86,87
3	Nắm vững được các khái niệm, mô hình, quan điểm chuyên sâu trong quản trị kinh doanh	72,01
4	Am hiểu và áp dụng tốt quá trình thiết kế và triển khai mô hình quản trị	82,11
5	Thuần thục các kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp trong QTKD	78,59

STT	Các năng lực và trình độ yêu cầu	%
6	Thành thạo các kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý hoạt động chức năng của tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh	82,07
7	Thành thạo các kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá thông tin, số liệu, và tài liệu thực tế về các vấn đề quản trị doanh nghiệp	82,52
8	Có kỹ năng cập nhật tài liệu và sử dụng các công nghệ, phần mềm một cách sáng tạo trong giải quyết các vấn đề thực tiễn quản trị	79,82
9	Thành thạo kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên sự am hiểu thực tiễn các vấn đề quản trị doanh nghiệp để thảo luận với người cùng ngành và những người khác.	71,79
10	Thành thạo ngoại ngữ tiếng Anh (tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam).	76,71
11	Có khả năng đề xuất giải pháp mới để giải quyết hiệu quả những thách thức trong thực tiễn doanh nghiệp	78,02

Nguồn: Kết quả khảo sát, 2023

b) Về nhu cầu học thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của cựu sinh viên Đại học Công nghệ Đồng Nai:

Cuối mỗi năm học, Nhà trường đều tiến hành khảo sát nhu cầu học thạc sĩ Quản trị Kinh doanh đối với các sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị Kinh doanh, Kế toán-Kiểm toán, Tài chính-Ngân hàng, Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, Quản trị Nhà hàng-Khách sạn. Kết quả cho thấy nhu cầu học các bạn dao động từ 22,96%-32,76%.

Bảng 3. Kết quả khảo sát cựu sinh viên ĐH Công nghệ Đồng Nai về nhu cầu học thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

STT	Khóa	Số lượng khảo sát (Người)	Nhu cầu học thạc sĩ QTKD (Người)	Tỷ lệ (%)
1.	Khóa 2017 – 2021	143	45	31,47
2.	Khóa 2018 – 2022	135	31	22,96
3.	Khóa 2019 – 2023	151	60	39,74
4.	Khóa 2020 – 2024	116	38	32,76
Tổng		545	174	31,93

Nguồn: Kết quả khảo sát các năm

c) Về nhu cầu học thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của người học tiềm năng:

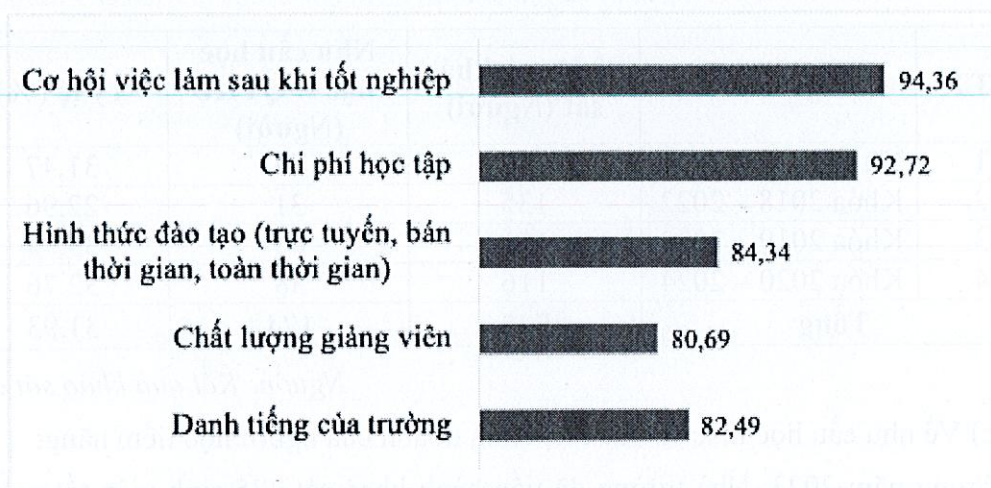
Trong năm 2023, Nhà trường đã tiến hành khảo sát 275 sinh viên tốt nghiệp các ngành liên quan đến kinh tế và quản trị. Kết quả cho thấy có gần 40% trả lời là có nhu cầu học thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

Bảng 4. Kết quả khảo sát người học tiềm năng về nhu cầu học thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

STT	Đơn vị	Số lượng khảo sát (Người)	Nhu cầu học thạc sĩ QTKD (Người)	Tỷ lệ (%)
1.	Đại học Công nghệ Miền Đông	28	8	28,57
2.	Đại học Công nghệ TP.HCM	31	12	38,71
3.	Đại học Đồng Nai	23	9	39,13
4.	Đại học Kinh tế - Tài chính TP.Hồ Chí Minh	31	10	32,26
5.	Đại học Kinh tế TP.HCM	12	3	25,00
6.	Đại học Kinh tế-Kỹ thuật Bình Dương	38	13	34,21
7.	Đại học Lạc Hồng	33	7	21,21
8.	Đại học Quốc tế Hồng Bàng	11	4	36,36
9.	Đại học Tài chính-Marketing	25	5	20,00
10.	Đại học Thủ Dầu Một	24	8	33,33
11.	Đại học Văn Lang	19	6	31,58
Tổng		275	85	30,91

Nguồn: Kết quả khảo sát, 2023

Hình dưới đây cũng cung cấp cái nhìn về các nhân tố mà người học quan tâm khi lựa chọn. Trong đó, cơ hội học tập và chi phí học tập được quan tâm nhiều nhất khi lựa chọn ngành học. Ngoài ra, hình thức đào tạo, chất lượng giảng viên, danh tiếng nhà trường cũng là yếu tố quan trọng.



Hình 1. Yếu tố tác động đến lựa chọn ngành học

d) Xu hướng trên thế giới về ngành học thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Bảng dưới đây trình bày xu hướng về ngành học thạc sĩ Quản trị Kinh doanh trong tương lai. Phần lớn người học quan tâm đến kỹ năng số và công nghệ (phân tích dữ liệu, AI, blockchain) trong chương trình thạc sĩ Quản trị Kinh doanh. Ngoài ra, người học cũng muốn nghiên cứu việc tích hợp CSR và vấn đề phát triển bền vững trong việc học thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

Bảng 5. Xu hướng trên thế giới về ngành học thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

	Rất không quan trọng	Không quan trọng	Bình thường	Quan trọng	Rất quan trọng
Bạn đánh giá thế nào về tầm quan trọng của việc tích hợp các khóa học về kỹ năng số và công nghệ (phân tích dữ liệu, AI, blockchain) trong chương trình MBA?	0,49	5,40	11,07	22,16	60,88
Bạn đánh giá tầm quan trọng của việc tham gia các chương trình MBA quốc tế hoặc có cơ hội trao đổi sinh viên không?	9,92	1,14	9,88	31,95	47,10
Bạn nghĩ gì về việc chương trình MBA cần chú trọng hơn đến các vấn đề bền vững và trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR)?	1,08	2,95	18,15	30,68	47,14
Bạn đánh giá thế nào về các chương trình Executive MBA (EMBA) dành cho các nhà quản lý cấp cao?	1,62	2,51	12,48	23,91	59,49
Theo bạn, việc trường đại học hợp tác quốc tế và cung cấp các chương trình học đa quốc gia có quan trọng không?	2,10	1,77	1,30	19,35	75,48
Bạn nghĩ gì về xu hướng phát triển các khóa học ngắn hạn chuyên sâu cho các nhà quản lý trong chương trình MBA?	1,28	2,04	15,63	25,75	55,31
Bạn đánh giá như thế nào về hình thức đào tạo trực tuyến?	3,49	1,91	11,75	41,23	41,62

1.2.4. Giới thiệu về đơn vị phụ trách ngành

Khoa Kinh tế - Quản trị (KTQT) là khoa chuyên môn thuộc Đại học Công Nghệ Đồng Nai được thành lập theo Quyết định số 83/QĐ-ĐHCNĐN ngày 01/7/2018. Trong những năm qua, khoa Kinh tế- Quản trị luôn đạt 85~95% chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm. Đến nay, mỗi năm trường Đại học Công nghệ Đồng Nai trung bình có khoảng 850~900 cử nhân tốt nghiệp bậc đại học. Đây sẽ là một trong những nguồn đầu vào chủ yếu cho Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của nhà trường.

Hiện nay, khoa Kinh tế- Quản trị gồm có các hệ, bậc và chuyên ngành đào tạo cụ thể như sau:

- Đại học chính quy (4 năm), gồm:
- + Quản trị kinh doanh

- + Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- + Quản trị khách sạn
- Thạc sĩ Quản lý kinh tế
- Tiến sĩ Quản lý kinh tế

Về đội ngũ giảng dạy, Khoa Kinh tế - Quản trị hiện có 66 giảng viên cơ hữu, trong đó có 24 người có thể tham gia giảng dạy chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh. Các giảng viên có thể giảng dạy gồm 04 phó giáo sư, và 20 tiến sĩ. Tất cả các giảng viên đều tốt nghiệp từ các chuyên ngành phù hợp với nhiệm vụ được phân công. Trong giai đoạn 2023 - 2025, Khoa Kinh tế - Quản trị đã có kế hoạch tăng quy mô giảng viên ở trình độ Tiến sĩ từ 10% - 15% so với hiện tại nhằm nâng cao năng lực đào tạo, nghiên cứu và đáp ứng tốt nhu cầu người học.

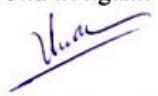
Bên cạnh đó, khoa cũng có sự cộng tác của nhiều giảng viên đến từ các trường đại học lớn trên TP.HCM và các nhà doanh nghiệp thành đạt, có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực QTKD. Đặc biệt, có các giảng viên cộng tác đến từ các trường đại học trên thế giới như Pháp, Canada, Thụy Điển, Đài Loan, ... cũng là một trong những nguồn giảng viên có thể tham gia hướng dẫn luận văn tốt nghiệp cho học viên của chương trình Thạc sĩ QTKD của trường Đại học Công nghệ Đồng Nai.

Cùng với hoạt động đào tạo, Khoa Kinh tế - Quản trị cũng rất quan tâm đến hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) phục vụ hoạt động đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Trong thời gian qua, các giảng viên trong Khoa đã tích cực tham dự nhiều hội thảo khoa học trong và ngoài nước, thực hiện nhiều đề tài khoa học cấp cơ sở và xuất bản nhiều bài báo khoa học đăng trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước.

II. Tóm tắt điều kiện mở ngành đào tạo

Tóm tắt về năng lực của cơ sở đào tạo (đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu ngành đề nghị mở ngành đào tạo; cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ học liệu, thư viện, giáo trình; chương trình đào tạo; hoạt động nghiên cứu khoa học, hợp tác doanh nghiệp và hợp tác quốc tế);

2.1.1 Danh sách giảng viên, nhà khoa học bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp			Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	Quốc tế	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)		
1	Lê Việt Tuấn, 26/12/1981	001081027798; Việt Nam	PGS,2020	Tiến sĩ , Hoa Kỳ, 2012	Kinh tế học	02/05/2018	HĐLĐ số 84/HĐLĐ-ĐHCNĐN, KXD từ 02/05/2021	0108006334	15		3	2	Chủ trì ngành 
2	Nguyễn Thị Thu Thủy, 25/08/1985	066185007158; Việt Nam		Tiến sĩ, Đài Loan, 2023	Quản trị kinh doanh Quốc tế	06/06/2016	HĐLĐ số 376/HĐLĐ-ĐHCNĐN, KXD từ 06/6/2022	0206287598	7			5	Đứng ngành 
3	Vũ Thịnh Trường, 17/12/1987	036087014048; Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Quản trị kinh doanh	02/05/2012	HĐLĐ số 85/HĐLĐ-ĐHCNĐN; KXD từ 01/07/2016	7409287289	10	1	3	5	Đứng ngành 

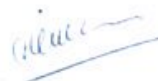
Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp			Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	Quốc tế	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)		
4	Nguyễn Duy Toàn, 28/9/1979	082079007038, Việt Nam		Tiến sĩ, Úc, 2018	Quản trị Kinh doanh	01/08/2022	HĐLĐ số 433/HĐLĐ-ĐHCNĐN; 36 tháng từ 01/08/2022 đến 31/07/2025	0203065274	14			4	Đứng ngành 
5	Đoàn Mạnh Quỳnh, 17/06/1972	075072001073; Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Quản trị Kinh doanh	02/01/2008	HĐLĐ số 198/HĐLĐ-ĐHCNĐN; KXD Từ 01/01/2012	4799140630	17		5	2	Đứng ngành 
6	Nguyễn Trọng Khánh, 04/06/1957	001057016775; Việt Nam		Tiến sĩ, Slovakia, 1992	Khoa học kinh tế	08/02/2017	HĐLĐ số 14/HĐLĐ-ĐHCNĐN; KXD từ 08/02/2018	Hưu, 0197053289	6		1		
7	Nguyễn Thiên Sứ, 04/02/1960	034060005502, Việt Nam		Tiến sĩ, Philippines, 2014	Quản trị Kinh doanh	01/12/2019	HĐLĐ số 510/HĐLĐ-ĐHCNĐN, KXD từ 01/12/2022	Hưu, 0198082771	35	2			

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp			Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	Quốc tế	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)		
8	Lê Thị Quỳnh Nga, 02/09/1987	051187005459; Việt Nam		Tiến sĩ, Hà Lan, 2019	Kinh tế học	01/04/2021	HĐLĐ số 128/HĐLĐ-ĐHCNDN; KXD từ 01/4/2024	5121304792	10		2		
9	Trần Đức Thuận, 25/05/1960	066060004927; Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Kinh tế nông nghiệp	01/11/2015	HĐLĐ số 294/HĐLĐ-ĐHCNDN, 36 tháng từ 01/06/2023 đến 31/05/2026	4002005518	12			10	
10	Bùi Trung Hưng	034057007699; Việt Nam	PGS, 2014	Tiến sĩ, Việt Nam, 2002	Triết học	04/07/2017	HĐLĐ số 209/HĐLĐ-ĐHCNDN, 36 tháng từ 04/07/2023 đến 03/07/2026	Hưu, 4297017110	31	6			
11	Nguyễn Minh Thiện	075089003194; Việt Nam		Tiến sĩ, Italy 2020	Giảng dạy Ngôn ngữ Anh	01/03/2014	HĐLĐ số 42/HĐLĐ-ĐHCNDN, KXD từ 01/05/2018	7514030295	11		8		

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp			Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	Quốc tế	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)		
12	Cao Văn Sâm, 25/10/1957	040057000342; Việt Nam	PGS, 2006	Tiến sĩ, Việt Nam, 1994	Kinh tế	10/12/2017	HĐLĐ số 500/HĐLĐ-ĐHCNĐN, 36 tháng từ 10/12/2023 đến 09/12/2026	Hưu, 0198088550	23	7	3		
13	Nguyễn Bảo Anh, 11/02/1972	027072036917; Việt Nam		Tiến sĩ, Canada, 2016,	Kinh tế học	02/05/2018	HĐLĐ số 85/HĐLĐ-ĐHCNĐN, KXD từ 02/05/2021	0131566248	3		3	2	
14	Đỗ Thị Ngọc Diệp, 09/10/1957	001157016660; Việt Nam		Tiến sĩ, Nga, 1996	Kinh tế	01/01/2016	HĐLĐ số 384/HĐLĐ-ĐHCNĐN, KXD từ 01/01/2019	Hưu, 0101015773	39	2	4		
15	Lê Thanh Hương, 31/10/1959	001159001538; Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2006	Kinh tế	01/03/2017	HĐLĐ số 76/HĐLĐ-ĐHCNĐN, KXD từ 01/03/2020	Hưu, 0100044861	6	1	6		

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố; cấp			Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	Quốc tế	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)		
16	Phạm Công Đoàn, 21/10/1954	001054007979; Việt Nam	PGS, 2003	Tiến sĩ, Ukraine, 1993	Kinh tế	01/08/2022	HĐLĐ số 404/HĐLĐ-ĐHCNDN, 36 tháng từ 01/08/2022 đến 31/07/2025	Hưu, 0198064595	25				
17	Phan Ngọc Sơn, 08/06/1960	022060001076; Việt Nam		Tiến sĩ, Phillipines, 2012	Quản trị Kinh doanh	01/01/2005	HĐLĐ số 44/HĐLĐ-ĐHCNDN, KXD từ 01/01/2015	4703036401	20	1		1	
18	Tăng Trí Hùng, 13/07/1962	074062000005; Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2012	Kinh tế	10/07/2023	HĐLĐ số 231/HĐLĐ-ĐHCNDN; 36 tháng từ 10/7/2023 đến 09/07/2026	Hưu; 0296085950	20			5	
19	Huỳnh Tấn Nguyên, 29/10/1985	049085010231; Việt Nam		Tiến sĩ, Đài Loan, 2023	Quản lý Vận tải và KD Hàng hải	10/11/2014	HĐLĐ số 13/HĐLĐ-ĐHCNDN, KXD từ 10/01/2018	9212001368	10			8	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố; cấp			Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	Quốc tế	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)		
20	Nguyễn Gia Phúc, 25/09/1963	001063003622; Việt Nam		Tiến sĩ, Philippines, 2016	Quản trị Kinh doanh	09/01/2016	HĐLĐ số 09/HĐLĐ-ĐHCNDN, KXD từ 09/01/2019	Hưu, 0198075796	12		2		
21	Ngô Thị Trà My, 14/11/1984	049184016160; Việt Nam		Tiến sĩ, Úc, 2018	Quản trị du lịch	01/04/2021	HĐLĐ số 127/HĐLĐ-ĐHCNDN, 36 tháng từ 01/4/2024 đến 31/3/2027	9007001379	8		2		
22	Phan Ngọc Bình, 11/11/1984	060084013110; Việt Nam		Tiến sĩ, Đài Loan, 2023	Quản trị kinh doanh Quốc tế	01/04/2018	HĐLĐ số 92/HĐLĐ-ĐHCNDN, KXD từ 01/4/2024	7508012855	7			4	
23	Phạm Thu Trang, 08/11/1987	030187000729; Việt Nam		Tiến sĩ, Hoa Kỳ, 2021	Chính sách công	01/12/2023	HĐLĐ số 546/HĐLĐ-ĐHCNDN, 36 tháng từ 01/12/2023 đến 30/11/2026	0111209443	9		2		

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp			Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	Quốc tế	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)		
24	Đào Hồng Quyền, 15/01/1983	001183032428; Việt Nam		Tiến sĩ, Nga, 2012	Kinh tế thể giới	01/12/2023	HĐLD số 547/HĐLD-ĐHCNDN, 36 tháng từ 01/12/2023 đến 30/11/2026	0113025207	10		2		
25	Nguyễn Thị Xuân Thu, 25/11/1985	001185030281; Việt Nam		Tiến sĩ, Đức, 2017	Kinh tế và Quản lý		HĐTG		13		2		
26	Vương Vĩnh Hiệp, 05/05/1966	056066003867; Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Kinh tế quản trị nguồn nhân lực	01/12/2023	HĐLD số 570/HĐLD-ĐHCNDN, 36 tháng từ 01/12/2023 đến 30/11/2026	Hưu; 4199003288	14		2		

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp			Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	Quốc tế	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)		
27	Nguyễn Công Hoàng, 31/12/1983	034083026812; Việt Nam		Tiến sĩ, Đài Loan, 2013	Quản trị chiến lược và Công nghệ	01/04/2024	HĐLD số 123/HĐLD-ĐHCNDN 36 tháng từ 01/04/2024 - 31/03/2027	1912001519	11		2		
28	Võ Thanh Tân, 13/06/1976	197037713, Việt Nam	PGS, 2011	Tiến sĩ, Pháp, 2008	Khoa học du lịch		GVTG		13	3		38	
29	Nguyễn Trung Dũng, 22/04/1978	034078004755, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Triết học		GVTG		15			6	

2.1.2 Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1.	Bùi Trung Hưng	Triết học	Học kỳ 1, năm 1	4				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
2.	Nguyễn Trung Dũng	Triết học	Học kỳ 1, năm 1	4				Giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy
3.	Tăng Trí Hùng	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học kỳ 1, năm 1	3				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
		Phân tích định lượng trong kinh tế	Học kỳ 2, năm 1	3				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
4.	Nguyễn Minh Thiện	Tiếng Anh B2	Học kỳ 1, năm 1	3				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
5.	Trần Đức Thuận	Kinh tế học	Học kỳ 1, năm 1	3				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
		Hành vi tổ chức	Học kỳ 2, năm 1			3		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
6.	Nguyễn Bảo Anh	Quản trị Marketing	Học kỳ 1, năm 1	3				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
		Quản trị hệ thống thông tin	Học kỳ 1, năm 2			3		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
7.	Đào Hồng Quyên	Luật kinh doanh	Học kỳ 1,	2				Giảng viên cơ hữu tham

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
			năm 1					gia giảng dạy
8.	Nguyễn Gia Phúc	Quản trị Marketing	Học kỳ 1, năm 1	3				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
		Quản trị hệ thống thông tin	Học kỳ 1, năm 2			3		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
9.	Nguyễn Thiên Sứ	Hành vi tổ chức	Học kỳ 2, năm 1			3		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
10.	Lê Việt Tuấn	Quản trị nguồn nhân lực	Học kỳ 2, năm 1	3				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình
		Luận văn tốt nghiệp	Học kỳ 2, năm 2	12				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình
11.	Nguyễn Trọng Khánh	Trách nhiệm xã hội	Học kỳ 2, năm 1			3		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
		Chuyên đề nghiên cứu	Học kỳ 2, năm 2	3				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
12.	Lê Thanh Hương	Quản trị chất lượng	Học kỳ 2, năm 1			3		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
13.	Nguyễn Duy Toàn	Quản trị tài chính	Học kỳ 2, năm 1			3		Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
								chủ trì giảng dạy
14.	Vũ Thịnh Trường	Lãnh đạo và quản lý	Học kỳ 2, năm 1			3		Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Luận văn tốt nghiệp	Học kỳ 2, năm 2	12				Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
15.	Huỳnh Tấn Nguyên	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học kỳ 1, năm 1	3				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
		Phân tích định lượng trong kinh tế	Học kỳ 2, năm 1	3				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
16.	Ngô Thị Trà My	Quản trị thương hiệu	Học kỳ 1, năm 2			3		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
17.	Nguyễn Thị Xuân Thu	Quản trị chiến lược	Học kỳ 1, năm 2			3		Giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy
18.	Vương Vĩnh Hiệp	Kinh tế học	Học kỳ 1, năm 1	3				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
		Quản trị kinh doanh quốc tế	Học kỳ 1, năm 2	3				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
19.	Nguyễn Công Hoàng	Khoa học quản lý	Học kỳ 1, năm 2			3		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		Quản trị thương hiệu	Học kỳ 1, năm 2			3		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
20.	Cao Văn Sâm	Phân tích đầu tư	Học kỳ 1, năm 2			3		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
		Quản trị chuỗi cung ứng	Học kỳ 1, năm 2			3		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
21.	Phạm Thu Trang	Quản trị hệ thống thông tin	Học kỳ 1, năm 2			3		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
		Luật kinh doanh	Học kỳ 1, năm 1	2				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
22.	Võ Thanh Tân	Quản trị tài chính	Học kỳ 2, năm 1			3		Giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy
23.	Lê Thị Quỳnh Nga	Quản trị chuỗi cung ứng	Học kỳ 1, năm 2			3		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
24.	Phan Ngọc Bình	Quản trị đa văn hóa	Học kỳ 1, năm 2			3		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
25.	Nguyễn Thị Thu Thủy	Khoa học quản lý	Học kỳ 1, năm 2			3		Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Quản trị đa văn hóa	Học kỳ 1, năm 2			3		Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
26.	Phan Ngọc Sơn	Lãnh đạo và quản	Học kỳ 2,			3		Giảng viên cơ hữu tham

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		lý	năm 1					gia giảng dạy
		Quản trị chiến lược	Học kỳ 1, năm 2	3				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
27.	Đoàn Mạnh Quỳnh	Quản trị kinh doanh quốc tế	Học kỳ 1, năm 2	3				Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Quản trị nguồn nhân lực	Học kỳ 2, năm 1	3				Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
28.	Đỗ Thị Ngọc Diệp	Trách nhiệm xã hội	Học kỳ 2, năm 1			3		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
		Chuyên đề nghiên cứu	Học kỳ 2, năm 2	3				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
29.	Phạm Công Đoàn	Phân tích đầu tư	Học kỳ 1, năm 2			3		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
		Quản trị chất lượng	Học kỳ 2, năm 1			3		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy

2.1.3 Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo

Số TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
1	Phạm Thị Mộng Hằng, 26/07/1988, Phó Trưởng khoa	Thạc sĩ, 2013	Quản trị Kinh doanh	
2	Nguyễn Thị Minh Ngọc, 20/11/1991, Phụ trách Bộ môn Quản trị	Thạc sĩ, 2017	Kinh doanh thương mại	

2.2 Cơ sở vật chất, thư viện, trang thiết bị, công nghệ học liệu

2.2.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần / môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	94	8.334	Tất cả các học phần	Cả năm	
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	710	Các học phần lý luận chính trị	Cả năm	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	01	260	Các học phần lý luận chính trị	Cả năm	
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	37	2.930	Tất cả các học phần	Cả năm	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	49	3.111	Tất cả các học phần	Cả năm	

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần / môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1.5	Số phòng học đa phương tiện	01	93	Các học phần cần sử dụng máy tính, kết nối mạng và âm thanh	Cả năm	
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	05	1.230		Cả năm	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	01	3.335		Cả năm	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	39	12.125	Các học phần thực hành	Cả năm	
4	Sân vận động, hồ bơi	2	9982	Các học phần thể dục thể thao	Cả năm	

2.2.2 Thư viện

- Diện tích thư viện: 3.123 m²; Diện tích phòng đọc: 417 m²
- Số chỗ ngồi: 900; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 19
- Phần mềm quản lý thư viện: 01
- Thư viện điện tử: 01
- Thông tin bản quyền kết nối với cơ sở dữ liệu trong nước: 01 CSDL
- Thông tin bản quyền kết nối với cơ sở dữ liệu quốc tế (hoặc dự kiến): 02 CSDL
- Số lượng sách, giáo trình phục vụ cho ngành Quản trị Kinh doanh – Trình độ thạc sĩ:

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	NXB, năm xuất bản, nước	Số lượng	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm)
1	Lãnh đạo phục vụ (Servant leadership): Một tác phẩm kinh điển về lãnh đạo	Robert K. Greenleaf	NXB Tp. Hồ Chí Minh, 2022, Việt Nam	4	Lãnh đạo và quản lý	QL81007	Học kỳ 2, năm 1
2	Một đời quản trị	Phan Văn Trường	NXB Tuổi trẻ, 2022, Việt Nam	4	Lãnh đạo và quản lý	QL81007	Học kỳ 2, năm 1
3	Tinh Hoa Kinh Tế Học - Essentials Of Economics	Paul Krugman, Robin Wells	NXB Tổng Hợp TPHCM, 2022, Việt Nam	3	Kinh tế học	QL80002	Học kỳ 1, năm 1
4	Digital marketing - Từ chiến lược đến thực thi	Hà Tuấn Anh, Lê Minh Tâm, Lê Thanh Sang	NXB Dân trí, 2022, Việt Nam	3	Quản trị Marketing	QL81002	Học kỳ 1, năm 1
5	Kinh tế học vĩ mô:	N Gregory Mankiw	NXB Hồng Đức, 2021, Việt Nam	2	Kinh tế học	QL80002	Học kỳ 1, năm 1
6	Giáo trình Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	TS.Hà Nam Khánh Giao	NXB Tài chính, 2021, Việt Nam	3	Quản trị chiến lược	QL80007	Học kỳ 1, năm 2
7	21 Nguyên tắc vàng của nghệ thuật lãnh đạo	John C. Maxwell, Đinh Việt Hoà	NXB Lao động, 2021, Việt Nam	1	Lãnh đạo và quản lý	QL81007	Học kỳ 2, năm 1
8	Multi-criteria decision-making in the evaluation of environmental quality of OECD countries: The entropy weight and VIKOR methods	Đặng Văn Thạc	NXB Emeral, 2021, Việt Nam	1	Phân tích định lượng trong kinh tế	QL80003	Học kỳ 2, năm 1
9	Kinh tế học vi mô:	N Gregory Mankiw	NXB Hồng Đức, 2021, Việt Nam	5	Kinh tế học	QL80002	Học kỳ 1, năm 1
10	Giáo trình hành vi khách hàng	Trần Thị Minh Ngọc	Tài liệu nội bộ, 2021, Việt Nam	1	Quản trị Marketing	QL81002	Học kỳ 1, năm 1
11	Tiếp cận tín dụng phi chính thức của các hộ kinh doanh tại Thành phố Biên Hoà	Nguyễn Thị Quý	Tài liệu nội bộ, 2021, Việt Nam	1	Quản trị tài chính	QT81004	Học kỳ 2, năm 1

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	NXB, năm xuất bản, nước	Số lượng	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm)
12	Nhà quản lý tài năng	Noriyuki Sasaki	NXB Hồng Đức, 2021, Việt Nam	1	Khoa học quản lý	QT81009	Học kỳ 1, năm 2
13	Tài chính Doanh nghiệp	Bùi Hữu Phước (c.b)	NXB Tài chính, 2020, Việt Nam	3	Quản trị tài chính	QT81004	Học kỳ 2, năm 1
14	Thống kê trong Kinh tế và Kinh doanh	Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc	NXB Kinh tế, 2020, Việt Nam	1	Phân tích định lượng trong kinh tế	QL80003	Học kỳ 2, năm 1
15	17 Nguyên tắc vàng trong làm việc nhóm	John C. Maxwell, Đức Anh	NXB Lao động, 2020, Việt Nam	1	Hành vi tổ chức	QT81005	Học kỳ 2, năm 1
16	Địa Lý du lịch cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam	Nguyễn Minh Tuệ, Vũ Đình Hòa	NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, Việt Nam	2	Chuyên đề nghiên cứu	QT80004	Học kỳ 2, năm 2
17	Kỷ yếu hội thảo khoa học doanh nghiệp tỉnh Đồng Nai hội nhập vùng và liên vùng cơ hội - thách thức - hướng phát triển	Phan Ngọc Sơn; Nguyễn Duy Thụy	Tài liệu nội bộ, 2019, Việt Nam	12	Chuyên đề nghiên cứu	QT80004	Học kỳ 2, năm 2
18	Sách bài tập kế toán tài chính doanh nghiệp P3	Nguyễn Thị Thu Hoài	Tài liệu nội bộ, 2019, Việt Nam	1	Quản trị tài chính	QT81004	Học kỳ 2, năm 1
19	Hành vi tổ chức.	Phạm Thúy Hương; Phạm Thị Bích Ngọc	NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân, 2019, Việt Nam	1	Hành vi tổ chức	QT81005	Học kỳ 2, năm 1
20	Vận dụng sản giao dịch chứng khoán ảo để nâng cao hiệu quả giảng dạy, học tập môn phân tích và đầu tư chứng khoán tại trường đại học công nghệ Đồng Nai	Trường Đại Học Công Nghệ Đồng Nai	Tài liệu nội bộ, 2019, Việt Nam	1	Chuyên đề nghiên cứu	QT80004	Học kỳ 2, năm 2
21	Phát triển kỹ năng lãnh đạo	John C. Maxwell ,Đinh Việt Hoà	NXB Lao động, 2019, Việt Nam	1	Lãnh đạo và quản lý	QL81007	Học kỳ 2, năm 1

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	NXB, năm xuất bản, nước	Số lượng	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm)
22	Quản trị kinh doanh dịch vụ - Từ góc nhìn Marketing	Hà Nam Khánh Giao, Ao Thu Hoài, Phạm Quang Vinh	NXB Thông tin và Truyền thông, 2019, Việt Nam	5	Quản trị Marketing	QL81002	Học kỳ 1, năm 1
23	Quản trị dự án	Đinh Bá Hùng Anh	NXB Tài Chính, 2019, Việt Nam	5	Phân tích đầu tư	QT81006	Học kỳ 1, năm 2
24	Thu hút thế giới về với bạn trong môi trường trực tuyến	Brian Halligan, Dharmesh Shah ; Huỳnh Hữu Tài dịch	Nxb. Tổng hợp T.P. Hồ Chí Minh, 2019, Việt Nam	3	Chuyên đề nghiên cứu	QT80004	Học kỳ 2, năm 2
25	21 phẩm chất vàng của nhà lãnh đạo	John C. Maxwell ,Nguyễn Thị Thoa	NXB Lao động, 2018, Việt Nam	1	Lãnh đạo và quản lý	QL81007	Học kỳ 2, năm 1
26	Chiến lược làm chủ doanh nghiệp - Các bước cơ bản để xây dựng thành công một doanh nghiệp	Nguyễn Ngọc Tuấn; Nguyễn Nam Hải	NXB Đồng Nai, 2018, Việt Nam	19	Quản trị chiến lược	QL80007	Học kỳ 1, năm 2
27	Đo lường chất lượng dịch vụ tại Việt Nam	Hà Nam; Khánh Giao	NXB Tài chính, 2018, Việt Nam	2	Quản trị chất lượng	QT81002	Học kỳ 2, năm 1
28	Giáo Trình Phương Pháp Và Phương Pháp Luận Nghiên Cứu Khoa Học Kinh Tế Và Quản Trị	Nguyễn Thị Cảnh, Võ Thị Ngọc Thúy	NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2018, Việt Nam	1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	CB80201	Học kỳ 1, năm 1
29	Quản trị sự thay đổi trong các tổ chức	Phạm Vũ Khiêm, Hứa Thùy Trang	NXB Bách khoa Hà Nội, 2018, Việt Nam	5	Quản trị chiến lược	QL80007	Học kỳ 1, năm 2
30	Giáo trình quản trị chiến lược	Ngô Kim Thanh	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2018, Việt Nam	1	Quản trị chiến lược	QL80007	Học kỳ 1, năm 2
31	Ngoại giao và công tác ngoại giao	Vũ Dương Huân	NXB Chính trị Quốc Gia, 2018, Việt Nam	8	Lãnh đạo và quản lý	QL81007	Học kỳ 2, năm 1
32	Quản trị nguồn nhân lực (Human resource management)	Trần Kim Dung	Nxb tài chính, 2018, Việt Nam	3	Quản trị nguồn nhân lực	QT80003	Học kỳ 2, năm 1

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	NXB, năm xuất bản, nước	Số lượng	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm)
33	Giáo trình quản trị bán hàng	Vũ Minh Đức, Vũ Huy Thông	NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân, 2018, Việt Nam	1	Quản trị Marketing	QL81002	Học kỳ 1, năm 1
34	Hệ thống Bài tập và câu hỏi trắc nghiệm Nguyên lý kế toán	PGS.TS. Võ Văn Nhị	NXB Tài chính, 2018, Việt Nam	3	Quản trị tài chính	QT81004	Học kỳ 2, năm 1
35	Giáo Trình Quản Trị Bán Hàng	Vũ Minh Đức - Vũ Huy Thông	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2018, Việt Nam	1	Quản trị Marketing	QL81002	Học kỳ 1, năm 1
36	Giáo trình Triết học (Dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ; tiến sĩ các ngành KHXH và NV không chuyên ngành Triết học)	Nguyễn Văn Tài - Phạm Văn Sinh (Đồng chủ biên) - Nguyễn Tài Đông - Nguyễn Như Hải - Nguyễn Anh Tuấn	NXB Đại Học Sư Phạm, 2021, Việt Nam	2	Triết học	CB80101	Học kỳ 1, năm 1
37	Nguyên Lý Quản Trị Chuỗi Cung Ứng	Michael. H. Hugos	NXB Đại Học Sư Phạm, 2018, Việt Nam	5	Quản trị chuỗi cung ứng	QL81003	Học kỳ 1, năm 2
38	Đầu Tư Tài Chính (Tái Bản)	Bodie, Kane, Marcus	NXB Kinh tế TP.Hồ Chí Minh, 2021, Việt Nam	1	Phân tích đầu tư	QT81006	Học kỳ 1, năm 2
39	Brand Strategy	David Aaker	NXB Hồng Đức, 2020, Việt Nam		Quản trị thương hiệu	QT81003	Học kỳ 1, năm 2
40	Strategic Corporate Social Responsibility: Sustainable Value Creation	David Chandler	NXB SAGE Publications, 2022, Việt Nam	1	Trách nhiệm xã hội	QT81001	Học kỳ 2, năm 1
41	Ready For Planet English - Upper Intermediate - Student's Book With Digital Book	Claire Moore	NXB ELI Publishing, 2023, Việt Nam	2	Tiếng Anh B2	TA80301	Học kỳ 1, năm 1
42	Luật doanh nghiệp (Hiện hành)		NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2019, Việt Nam	3	Luật kinh doanh	QT80001	Học kỳ 1, năm 1

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	NXB, năm xuất bản, nước	Số lượng	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm)
43	Giáo Trình Cao Học Quản Trị Kinh Doanh Quốc tế	Hà Nam Khánh Giao	NXB Tài Chính, 2023, Việt Nam	2	Quản Trị Kinh Doanh Quốc tế	QT80002	Học kỳ 1, năm 2
44	Quản Trị Bằng Văn Hóa - Cách Thức Kiến Tạo Và Tái Tạo Văn Hóa Tổ Chức	Giàn Tư Trung	NXB Tri Thức, 2023, Việt Nam	2	Quản trị đa văn hóa	QT81007	Học kỳ 1, năm 2
45	Information Systems Management	Barbara McNurlin	NXB Pearson, 2023, Việt Nam	2	Quản trị hệ thống thông tin	QT81008	Học kỳ 1, năm 2
46	Phương Pháp Nghiên Cứu Kinh Tế Và Viết Luận Văn Thạc Sĩ Và Luận Án Tiến Sĩ	Đinh Phi Hồ	NXB Tài Chính, 2021, Việt Nam	5	Luận văn tốt nghiệp	QT80005	Học kỳ 2, năm 2
47	Giải pháp phát triển công nghiệp chế biến cà phê tại huyện Krong Pak, tỉnh Dak Lak đến 2020	Huỳnh Tấn Nguyên	Tài liệu nội bộ, 2019, Việt Nam	1	Luận văn tốt nghiệp	QT80005	Học kỳ 2, năm 2
48	Quản trị chuỗi cung ứng	Nguyễn Thành Hiếu	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2022, Việt Nam	4	Quản trị chuỗi cung ứng	QL81003	Học kỳ 1, năm 2
49	VSTEP - Chinh Phục Đề Thi VSTEP Bậc Năng Lực Từ B1 Đến C1	Lê Thu Hà	NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2023, Việt Nam	3	Quản trị chuỗi cung ứng	QL81003	Học kỳ 1, năm 2
50	Kinh tế vi mô	N Gregory Mankiw	NXB Hồng Đức, 2021, Việt Nam	3	Kinh tế học	QL80002	Học kỳ 1, năm 1
51	Kinh tế vĩ mô	N Gregory Mankiw	NXB Hồng Đức, 2021, Việt Nam	5	Kinh tế học	QL80002	Học kỳ 1, năm 1
52	Lịch sử Triết học phương Đông	Nguyễn Đăng Thục	NXB Hồng Đức, 2020, Việt Nam	3	Triết học	CB80101	Học kỳ 1, năm 1
53	Kinh tế vi mô	Lê Bảo Lâm và cộng sự	NXB Kinh tế TP. HCM, 2019, Việt Nam	3	Kinh tế học	QL80002	Học kỳ 1, năm 1

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	NXB, năm xuất bản, nước	Số lượng	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm)
54	Armstrong's handbook of human resource management practice	Michael Amstrongs và Stephen Taylor	NXB Kogan Page, 2020, Anh	4	Quản trị nguồn nhân lực	QT80003	Học kỳ 2, năm 1
55	Great Answers to Tough Interview Questions: Your Comprehensive Job Search Guide with Over 200 Practice Interview Questions	Martin John Yate	NXB Kogan Page, 2020, Anh	1	Luận văn tốt nghiệp	QT80005	Học kỳ 2, năm 2
56	Giáo trình phân tích đầu tư chứng khoán	Tô Kim Ngọc và Trần Thị Xuân	NXB Lao động- Xã hội, 2023, Việt Nam	3	Quản trị tài chính	QT81004	Học kỳ 2, năm 1
57	Hành vi tổ chức	Phạm Thúy Hương và Phạm Thị Ngọc Bích	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2022, Việt Nam	2	Hành vi tổ chức	QT81005	Học kỳ 2, năm 1
58	Tài chính doanh nghiệp	Eugene F. Brigham, Joel F. Houston (Sách dịch)	NXB Hồng Đức, 2019, Việt Nam	1	Quản trị tài chính	QT81004	Học kỳ 2, năm 1
59	Tài chính doanh nghiệp	Stephen Ross (sách dịch)	NXB Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh, 2019, Việt Nam	3	Quản trị tài chính	QT81004	Học kỳ 2, năm 1
60	Organizational Behaviour	David A.Buchanan và Andrzej A.Huczynski	NXB Pearson, 2021, Anh	1	Hành vi tổ chức	QT81005	Học kỳ 2, năm 1
61	Introduction to Management Science	Bernard W. Taylor III	NXB Pearson, 2019, Anh	1	Khoa học quản lý	QT81009	Học kỳ 1, năm 2
62	Brand Management	Emmanuel Mogaji	NXB Springer, 2021, Mỹ	4	Quản trị thương hiệu	QT81003	Học kỳ 1, năm 2
63	Giáo trình cao học Quản trị kinh doanh quốc tế	Hà Nam Khánh Giao	NXB Tài Chính, 2023, Việt Nam	3	Quản Trị Kinh Doanh Quốc tế	QT80002	Học kỳ 1, năm 2

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	NXB, năm xuất bản, nước	Số lượng	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm)
64	Hệ thống thông tin quản trị - từ góc nhìn kinh doanh	Hà Nam Khánh Giao	NXB Tài Chính, 2019, Việt Nam	2	Khoa học quản lý	QT81009	Học kỳ 1, năm 2
65	Giáo trình cao học Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh - cập nhật SmartPLS	Hà Nam Khánh Giao	NXB Tài chính, 2019, Việt Nam	2	Phân tích định lượng trong kinh tế	QL80003	Học kỳ 2, năm 1
66	Cốt lõi về lãnh đạo: Phát triển phẩm chất lãnh đạo từ lý thuyết đến thực hành	Esther Cameron và Mike Green	NXB Thế giới, 2021, Việt Nam	1	Lãnh đạo và quản lý	QL81007	Học kỳ 2, năm 1
67	Luật kinh tế	Nguyễn Thị Dung	NXB Tư Pháp, 2023, Việt Nam	5	Luật kinh doanh	QT80001	Học kỳ 1, năm 1
68	Operations management	Nigel Slack; Alistair Brandon-Jones	NXB Wiley, 2020, Mỹ	5	Hành vi tổ chức	QT81005	Học kỳ 2, năm 1
69	Đầu tư tài chính	Trần Thị Hải Lý	NXB Kinh tế TP. HCM, 2019, Việt Nam	2	Quản trị tài chính	QT81004	Học kỳ 2, năm 1

2.2.4. Công nghệ học liệu

Từ năm 2020, Nhà trường đã sử dụng hệ thống LMS Canvas (<https://canvas.dntu.edu.vn>) phục vụ công tác giảng dạy, đáp ứng việc học trực tuyến hiệu quả cho sinh viên, tạo công cụ quản lý giảng dạy, lưu trữ bài giảng và tài liệu. Hệ thống canvas hỗ trợ tối ưu việc lưu trữ được nguồn tài nguyên học liệu lớn: video, hình ảnh trực quan, file âm thanh, các file word, excel, pdf. Giảng viên có thể chia sẻ nguồn tài liệu; theo dõi và quản lý, phân công nội dung, quá trình dạy – học, đánh giá quá trình giảng dạy dễ dàng, nhanh chóng. Sinh viên chủ động theo dõi nội dung học tập, làm bài tập, quản lý kết quả học tập trong suốt quá trình học. Hệ thống canvas hỗ trợ việc tổ chức các kỳ thi, đánh giá sinh viên trong quá trình học tập tại Trường bằng hình thức trắc nghiệm và tự luận, hỗ trợ đa dạng hình thức câu hỏi (assignment và quiz) và giới hạn thời gian của bài thi dễ dàng. Giảng viên đã có thể tự động hóa công tác đánh giá, chấm điểm và quản lý sinh viên dễ dàng. Đồng thời, giảng viên có thể thảo luận theo chủ đề và gửi thông báo cho nhóm, theo dõi mức độ tương tác của người học trên hệ thống Canvas.

- Kho sách tiếng việt và kho sách Ngoại văn, khu vực đọc chuyên sâu của các chuyên ngành đào tạo (kho tài liệu môn học), kho luận văn/luận án/khoá luận tốt nghiệp, khu vực học tập chung với 500 chỗ ngồi riêng biệt theo mô hình không gian mở, khu vực nghiên cứu với hệ thống máy tính tra cứu tài liệu, truy cập cơ sở dữ liệu, khu vực đọc báo - tạp chí, 03 phòng hội thảo, 03 phòng học nhóm, 16 máy tính phục vụ bạn đọc tra cứu và sử dụng tài liệu điện tử, 38 máy lạnh công suất lớn,... nhằm cung cấp không gian, dịch vụ và nguồn tài liệu học thuật phong phú phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu, phát huy tính tích cực chủ động và sáng tạo trong học tập của người học.

- Về nguồn tài liệu: hiện nay thư viện có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài, bao gồm: Giáo trình, sách tham khảo, sách tiếng việt (3.949 đầu sách tương đương 9.861 bản), Giáo trình, sách tham khảo, sách nước ngoài (1.941 đầu sách tương đương 6.348 bản).

- Cơ sở dữ liệu trực tuyến (sachweb.com): với hơn 2.400 ebook bao gồm các loại tài liệu đọc trực tuyến như: Giáo trình, kinh tế, văn hóa xã hội... cùng với gần 20 nguồn tài nguyên truy cập mở thu thập từ các nguồn trong nước và trên thế giới. Ngoài ra Thư viện cũng là thành viên của Trung tâm Tri thức số: Kết nối thư viện số dùng chung - Đổi mới sáng tạo với 88 thành viên là thư viện các trường đại học, học viện ở Việt Nam, giúp cho người học có thể kết nối đến nguồn tri thức số khổng lồ, phục vụ cho nhu cầu tự học, tự nghiên cứu và phát triển sáng tạo.

- Hợp tác liên thư viện: Thư viện Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai tăng cường hợp tác chia sẻ tài liệu với các cơ sở giáo dục và trung tâm thông tin - thư viện như hợp tác với Trường Đại học Mở - Địa chất Hà Nội, Trường Đại học Hùng Vương Phú Thọ, Trường Đại học Bình Dương, Trường Đại học Thủ Dầu Một, Trường Đại học Đông Á, Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch,... Ngoài ra Thư viện cũng là thành viên của Trung tâm Tri thức số: Kết nối thư viện số dùng chung - Đổi mới sáng tạo là “Trung tâm tri thức số” đầu tiên của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam cung cấp tri thức số cho Hệ tri thức Việt số hóa của Chính phủ. Tích hợp tri thức số khoa học quốc gia, khu vực và quốc tế, tối ưu hóa hệ tri thức số quốc gia.

- Phần mềm quản lý: Với việc ứng dụng công nghệ thông tin, hiện Thư viện đang sử dụng các phần mềm Quản lý Thư viện tích hợp phần mềm CDS giúp quản lý bổ sung, biên mục, lưu thông, quản lý tài liệu điện tử, phân hệ quản lý tài nguyên môn học, báo tạp chí chuyên ngành và mục lục tra cứu công cộng trực tuyến thông qua cổng thông tin Thư viện số <https://lib.dntu.edu.vn>.

2.3 Hoạt động nghiên cứu khoa học

2.3.1 Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do cơ sở đào tạo thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
1.	Quyết định số 94/QĐ-HĐQL-NAFOSTED. Mã số: 47/2021/TN (000.00.48.G06-210824-0003)	Nafosted	Nghiên cứu quá trình tâm lý và kết quả hành vi người dùng mạng xã hội ở Việt Nam: Ý nghĩa lý luận và quản lý đối với người làm chính sách, quản trị doanh nghiệp và cá nhân người dùng	Đặng Văn Thạc, Nguyễn Phước Thiện, Vũ Thịnh Trường	Đang thực hiện				
2.	QĐ số 211/QĐ-ĐHCNĐN ngày 15/11/2019, TR:2019-01/SĐH	Đề tài cấp cơ sở	Nguồn nhân lực – yếu tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp trong hội nhập kinh tế quốc tế	Nguyễn Thiên Sứ	QĐ số 93/QĐ-ĐHCNĐN ngày 01/6/2019	22/4/2020	Đạt yêu cầu		
3.	Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk (theo Hợp đồng thuê khoán chuyên	Đề tài cấp	Khảo sát chỉ số hài	Nguyễn Duy Thực,	Biên bản	29/10/2019	Đạt yêu		

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
	môn số 15/HĐ-ĐTXH ngày 01/8/2019 giữa Viện Khoa học xã hội Vùng Tây Nguyên và Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai)	Tỉnh	lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk năm 2018	Phan Ngọc Sơn	nghiệm thu ngày 29/10/2019		cầu		
4.	Viện trưởng Viện Khoa học Xã hội Vùng Tây Nguyên, 65a/KHXX-QLKH, 28/6/2019	Đề tài cấp Bộ	Xây dựng hệ thống chính trị cấp cơ sở tại tỉnh Đắk Lắk hiện nay	Phạm Xuân Hoàng, Bùi Trung Hưng	QĐ số 2103/QĐ-KHXX ngày 25/12/2020	30/12/2020	Đạt yêu cầu		
5.	QĐ số 166/QĐ-ĐHCNĐN ngày 06/10/2017, TR:2017-01/SĐH	Đề tài cấp cơ sở	Phát triển kinh tế tư nhân tại tỉnh Đồng Nai	Nguyễn Trọng Khánh	QĐ số 82/QĐ-ĐHCNĐN ngày 27/5/2017	25/4/2018	Đạt yêu cầu		
6.	QĐ số 166/QĐ-ĐHCNĐN ngày 06/10/2017, TR:2017-02/SĐH	Đề tài cấp cơ sở	Phát triển du lịch Đồng Nai trong thời kỳ hội nhập	Nguyễn Thế Khải, Cao Văn Sâm	QĐ số 82/QĐ-ĐHCNĐN ngày 27/5/2017	25/4/2018	Đạt yêu cầu		

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
7.	QĐ số 166/QĐ-ĐHCNĐN ngày 06/10/2017, TR:2017-04/SĐH	Đề tài cấp cơ sở	Những giải pháp kinh tế và tổ chức hoạt động đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm hàng hóa tại Công ty CP Đường Biên Hòa	Bùi Quang Xuân, Trần Đức Thuận	QĐ số 82/QĐ-ĐHCNĐN ngày 27/5/2017	25/4/2018	Đạt yêu cầu		
8.	QĐ số 168/QĐ-ĐHCNĐN ngày 18/9/2018, TR:2018-01/SĐH	Đề tài cấp cơ sở	Đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu vốn của các ngân hàng thương mại trên địa bàn TP Biên Hòa đến năm 2025.	Lê Thanh Hương	QĐ số 36/QĐ-ĐHCNĐN ngày 05/4/2018	20/4/2019	Đạt yêu cầu		
9.	QĐ số 168/QĐ-ĐHCNĐN ngày 18/9/2018, TR:2018-02/SĐH	Đề tài cấp cơ sở	Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á Thái Bình Dương và bài học cho Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế	Lê Việt Tuấn	QĐ số 36/QĐ-ĐHCNĐN ngày 05/4/2018	20/4/2019	Đạt yêu cầu		
10.	QĐ số 168/QĐ-	Đề tài cấp	Các phương thức quản	Nguyễn	QĐ số 36/QĐ-	20/4/2019	Đạt yêu		

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
	ĐHCNĐN ngày 18/9/2018, TR:2018-03/SĐH	cơ sở	lý môi trường hiện nay và ứng dụng cho các doanh nghiệp tại tỉnh Đồng Nai	Bảo Anh	ĐHCNĐN ngày 05/4/2018		cầu		
11.	QĐ số 168/QĐ-ĐHCNĐN ngày 18/9/2018, TR:2018-04/SĐH	Đề tài cấp cơ sở	Đánh giá các giải pháp điều hành chính sách tỷ giá tại Việt Nam hiện nay	Cao Văn Sâm	QĐ số 36/QĐ-ĐHCNĐN ngày 05/4/2018	25/4/2019	Đạt yêu cầu		
12.	QĐ số 168/QĐ-ĐHCNĐN ngày 18/9/2018, TR:2018-05/SĐH	Đề tài cấp cơ sở	Giải pháp phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Đồng Nai đến năm 2025	Đỗ Thị Ngọc Diệp	QĐ số 36/QĐ-ĐHCNĐN ngày 05/4/2018	25/4/2019	Đạt yêu cầu		
13.	QĐ số 168/QĐ-ĐHCNĐN ngày 18/9/2018, TR:2018-06/SĐH	Đề tài cấp cơ sở	Giải pháp phát triển sản xuất công nghiệp tại địa bàn huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai	Bùi Quang Xuân, Lê Việt Tuấn	QĐ số 36/QĐ-ĐHCNĐN ngày 05/4/2018	20/4/2019	Đạt yêu cầu		
14.	QĐ số 168/QĐ-	Đề tài cấp	Nâng cao hiệu quả	Nguyễn	QĐ số 36/QĐ-	20/4/2019	Đạt yêu		

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
	ĐHCNĐN ngày 18/9/2018, TR:2018-08/SĐH	cơ sở	kinh tế - xã hội ngành giấy da tại tỉnh Đồng Nai	Trọng Khánh	ĐHCNĐN ngày 05/4/2018		cầu		

2.3.2 Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1.	Huỳnh Tấn Nguyên (2024). An evaluation model of sustainable efficiency for container terminals. Sustainable Development, 32(1), 1170-1187.	
2.	Huỳnh Tấn Nguyên (2023, March). A risk assessment model of work safety in container dry ports. In Proceedings of the Institution of Civil Engineers-Maritime Engineering (Vol. 176, No. 4, pp. 193-205). Emerald Publishing Limited.	
3.	Huỳnh Tấn Nguyên (2023). Container terminals' efficiency with the unexpected output: a revised SBM approach. Environmental Science and Pollution Research, 30(13), 37845-37858.	
4.	Huỳnh Tấn Nguyên (2023). An evaluation of productive efficiency for container terminals affiliated to a single organisation. Journal of Transport Economics and Policy (JTEP), 57(1), 59-76.	
5.	Huỳnh Tấn Nguyên (2023). An assessment of operating efficiency for container terminals in a port—An empirical study in Kaohsiung Port using Data Envelopment Analysis. Research in Transportation Business & Management, 46, 100823.	
6.	Huỳnh Tấn Nguyên (2022). Assessing the investment environment in container terminals: A knowledge gap model. Proceedings of the Institution of Mechanical Engineers, Part M: Journal of Engineering for the Maritime Environment, 236(3), 585-599.	
7.	Huỳnh Tấn Nguyên (2022). Assessing port service quality: An application of the extension fuzzy AHP and importance-performance analysis. PloS one, 17(2), e0264590.	
8.	Huỳnh Tấn Nguyên (2021). An evaluation model for foreign direct investment performance of free trade port zones. Promet-Traffic&Transportation, 33(6), 859-870.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
9.	Huỳnh Tấn Nguyên (2020). Estimate the Impact of Payments for Environmental Services on Local Livelihoods and Environment: An Application of Propensity Scores.	
10.	Nguyễn Phước Thiện (2022). The Effects of Expatriate's Personality and Cross-cultural Competence on Social Capital, Cross-cultural Adjustment, and Performance: The Context of Foreign-Owned Multinational Firms. SAGE Open, 12(3), 21582440221126689.	
11.	Nguyễn Phước Thiện (2023). The influential factors and consequences of knowledge sharing for expatriates. International Journal of Emerging Markets, 18(3), 705-727.	
12.	Cao Văn Sâm (2017), 'Đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình nuôi cá sặc rằn tại tỉnh Hậu Giang', Tạp chí Đại học Cần Thơ, Số 51, Phần B, trang 88-94	
13.	Cao Văn Sâm (2020), 'Giải pháp đổi mới mô hình tăng trưởng đối với phát triển kinh tế biển tại Kiên Giang', Tạp chí Công Thương, số 8 + 9 (2020), trang 62-66	
14.	Lê Việt Tuấn (2018), 'Tác động của vốn ngân hàng đến khả năng sinh lời và rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại cổ phần ở Việt Nam', Tạp chí Khoa học Trường Đại học An Giang, số 19, trang 59-66	
15.	Lê Việt Tuấn (2018), 'Does Foreign Direct Investment From Corrupt Countries Affect Corruption in Host Countries?', Pennsylvania Economic Review, pp. 217-230	
16.	Lê Việt Tuấn (2020), 'The Effects of Trade Deficit on Output and Employment: Evidence from the U.S.'s Economy', International Economics and Economic Policy, 17 pages 877-895	
17.	Lê Việt Tuấn (2020), 'Freedom of the press and equity returns: Empirical investigation in emerging markets', Global Journal of Emerging Market Economies, Vol 12, Issue 3, 2020, pp. 359-377	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
18.	Lê Việt Tuấn (2020), 'Corruption heterogeneity and foreign direct investmen', Journal of international commerce, economic and policy, Vol. 12, No. 1 (2021) 215000, 14 pages.	
19.	Nguyễn Bảo Anh (2021), 'Half century of Gold price: Regime-switching and Forecasting Framework', International Journal of Financial Research, Vol 1, No 3.	
20.	Trần Đức Thuận (2019), 'Tăng cường quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản tại huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình', Tạp chí Tài Chính, Kỳ 1 – Tháng 4/2019 (702)	
21.	Trần Đức Thuận (2020), 'How Leader Characteristics and Leader Member Exchange Lead to Social Capital and Job Performance', The Journal of Asian Finance, Economics and Business (JAFEB) No1.1, pp.269-278 – 2020	
22.	Trần Đức Thuận (2020), 'Tăng cường quản lý ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ', Tạp chí Tài Chính- Kỳ 2 Tháng 9/2020 (737)	
23.	Trần Đức Thuận (2020), Quản lý thu ngân sách xã trên địa bàn huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, Tạp chí Công Thương –ISSN: 0866-7756 - Số 22.	
24.	Trần Đức Thuận (2020). Industry 4.0, lean management and organizational support: a case of supply chain operations. Polish Journal of Management Studies, 22(1), 583-594.	
25.	Trần Đức Thuận (2021). THE IMPACT OF NATIONAL CULTURE ON BILATERAL TRADE IN VIETNAM. The journal of contemporary issues in business and government, 27(2), 1235-1254.	
26.	Trần Đức Thuận (2021), Nhận thức và hành vi của của người dân về phát triển đô thị theo hướng tăng trưởng xanh tại thành phố Bắc Ninh, Tạp chí Tài nguyên và Môi trường, Kỳ 2 – Tháng 4/2021	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
27.	Trần Đức Thuận (2021). Development of Rice Husk Power Plants Based on Clean Development Mechanism: A Case Study in Mekong River Delta, Vietnam. Sustainability, 13(12), 6950.	
28.	Trần Đức Thuận (2022). SME financing role in developing business environment and economic growth: empirical evidences from technical SMEs in Vietnam. Environmental Science and Pollution Research, 29(35), 53540-53552.	
29.	Trần Đức Thuận (2022). How temperature shocks impact energy poverty in Vietnam: mediating role of financial development and environmental consideration. Environmental Science and Pollution Research, 29(37), 56114-56127.	
30.	Trần Đức Thuận (2023). The Impact of Risk Management and Economic Development on Agri-Business in the Context of Vietnam. Cuadernos de Economía, 46(132), 92-100.	
31.	Vũ Thịnh Trường (2017), 'Measuring Technical Efficiency of the Listed Firms in Vietnam: Parametric and Non-Parametric Approaches', International Journal of Business & Management Science, Vol. 7, Issue 1	
32.	Vũ Thịnh Trường (2019), 'Thực trạng và giải pháp phát triển doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm tỉnh Đắk Nông', Tạp chí Phát triển bền vững Vùng, Quyển 9, Số 02 (06-2019), Tr.70-76	
33.	Vũ Thịnh Trường (2020), 'An integrated model of the younger generation's online shopping behavior based on empirical evidence gathered from an emerging economy', Plos One, Vol 15 (5)	
34.	Vũ Thịnh Trường (2020), 'Workplace learning and foreign workers' commitment to host cultural organization: the effects of cross-cultural adjustment and supervisor trust', Employee Relations, Vol. 43 No. 1, pp. 297-317	
35.	Vũ Thịnh Trường (2020), 'Environmental commitment and firm financial performance: a moderated mediation study of environmental collaboration	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	with suppliers and CEO gender', International Journal of Ethics and Systems, 7 September 2020, Vol. 37 No. 1, pp. 53-69	
36.	Vũ Thịnh Trường (2024) Chiến thuật ảnh hưởng của cấp quản lý trực tiếp và Sự sáng tạo của nhân viên: Vai trò trung gian của Chia sẻ tri thức ẩn, Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh -Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, Số 19(4)	
37.	Vũ Thịnh Trường (2023). Do consumers stick with good-looking broadcasters? The mediating and moderating mechanisms of motivation and emotion. Journal of Business Research, 156, 113483.	
38.	Vũ Thịnh Trường (2022). Self-determination theory and accountant employees' psychological wellbeing: The roles of positive affectivity and psychological safety. Frontiers in Psychology, 13, 870771.	
39.	Vũ Thịnh Trường (2022) Chiến lược chuyển đổi số trong giáo dục đại học: kinh nghiệm triển khai từ Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai, Tạp chí Giáo dục và Xã Hội, Số 136(197) tháng 7 năm 2022, trang 199-205.	
40.	Vũ Thịnh Trường (2021) Ảnh hưởng của văn hoá tổ chức đến động lực làm việc của người lao động: trường hợp các doanh nghiệp có vốn đầu tư từ Đài Loan tại tỉnh Đồng Nai, Tạp chí Kinh tế - Châu Á Thái Bình Dương, Số tháng 6/2021, 141-143	
41.	Võ Thanh Tân (2018), 'Wine tourism experience: A netnography study', Journal of Business Research, 83, pg.30-37	
42.	Võ Thanh Tân (2018), 'Satisfaction as a bridge to loyalty in a tourist destination', Tourism Analysis, 23 (1), pg. 45-60	
43.	Võ Thanh Tân (2019), 'Déterminants de l'attractivité d'une destination œnotouristique', Revue d'Economie Régionale et Urbaine, 2019 (1), 125-151	
44.	Võ Thanh Tân (2019), 'Smartphone use during the leisure experience: The role of contextual factors', Information & Management, 56 (5), pg. 742-753	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
45.	Võ Thanh Tân (2020), 'The role of green human resource management in driving hotel's environmental performance: Interaction and mediation analysis', International Journal of Hospitality Management, 88, 102392	
46.	Võ Thanh Tân (2020), 'Organizational ambidexterity in tourism research: A systematic review', Tourism Analysis, 25 (1), pg. 137–152	
47.	Võ Thanh Tân (2020), 'Investigating the Application of the Principles for Responsible Management Education to Resort Mini-Clubs', International Journal of Management Education, 18 (2)	
48.	Võ Thanh Tân (2020), 'Managing environmental challenges: Training as a solution to improve employee green performance', Journal of Environmental Management, 269, 110781	
49.	Võ Thanh Tân (2020), 'How does hotel employees' satisfaction with the organization's COVID-19 responses affect job insecurity and job performance?', Journal of Sustainable Tourism, pg. 1–19	
50.	Võ Thanh Tân (2020), 'The gendered effects of statecraft on women in tourism: Economic sanctions, women's disempowerment and sustainability?', Journal of Sustainable Tourism, pg. 1–18	
51.	Võ Thanh Tân (2020), 'Workplace health and safety training, employees' risk perceptions, behavioral safety compliance, and perceived job insecurity during COVID-19: Data of Vietnam', Data in Brief, 33, 106346	
52.	Võ Thanh Tân (2020), 'Tourism, peace and sustainability in sanctions-ridden destinations', Journal of Sustainable Tourism, Volume 30, 2022 - Issue 2-3, pg. 372-391	
53.	Võ Thanh Tân (2020), 'Greening hotels: Does motivating green employees promote in-role green performance? The role of culture', Journal of Sustainable Tourism, pg. 1–20.	
54.	Võ Thanh Tân (2021), 'Social media use of small wineries in alsace: resources and motivations analysis', Sustainability, 13 (15), 8149	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
55.	Võ Thanh Tân (2021), 'The COVID-19 pandemic: Workplace safety management practices, job insecurity, and employees organizational citizenship behavior', Safety Science, Volume 145, January 2022, 105527	
56.	Võ Thanh Tân (2021), 'How can frontline managers' creativity in the hospitality industry be enhanced? Evidence from an emerging country', Journal of hospitality and tourism management, Volume 48, September 2021, Pages 593-603	
57.	Võ Thanh Tân (2022), 'Could mindfulness diminish mental health disorders? The serial mediating role of self-compassion and psychological well-being', Current Psychology, August 2022	
58.	Võ Thanh Tân (2024). Adopting the metaverse in the luxury hotel business: a cost-benefit perspective. International Journal of Contemporary Hospitality Management.	
59.	Võ Thanh Tân (2024). Effects of hotels' green practices on consumer citizenship behavior. International Journal of Hospitality Management, 118, 103679.	
60.	Võ Thanh Tân (2024). Tourism social sustainability in remote communities in Vietnam: Tourists' behaviors and their drivers. Heliyon, 10(1).	
61.	Võ Thanh Tân (2023). Exploring the antecedents of "deep" eWOM providing behaviour in mobile shopping: a multi-country study. Information Technology & People.	
62.	Võ Thanh Tân (2024). Publication of non-native-English-speaking tourism researchers in international journals: findings from Vietnam. Current Issues in Tourism, 27(10), 1530-1550.	
63.	Võ Thanh Tân (2023). Bridging the gap: The moderating roles of institutional quality and compliance on the link between CSR and financial performance. Journal of Cleaner Production, 404, 136897.	
64.	Võ Thanh Tân (2023). Green hotel practices and consumer revisit intention: A mediating model of consumer promotion focus, brand identification, and	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	green consumption value. Journal of Vacation Marketing, 13567667231164630.	
65.	Võ Thanh Tân (2023). Luxury hotels' green practices and consumer brand identification: The roles of perceived green service innovation and perceived values. Business Strategy and the Environment, 32(7), 4568-4583.	
66.	Võ Thanh Tân (2023). Common good human resource management, ethical employee behaviors, and organizational citizenship behaviors toward the individual. Human Resource Management Journal, 33(4), 977-1000.	
67.	Võ Thanh Tân (2023). Exploring the drivers of Gen Z tourists' boycott behaviour: A lifestyle politics perspective. Journal of Sustainable Tourism, 1-19.	
68.	Võ Thanh Tân (2024). Information confusion as a driver of consumer switching intention on social commerce platforms: a multi-method quantitative approach. Information Technology & People, 37(1), 171-200.	
69.	Võ Thanh Tân (2023). Greening hotels: Does motivating hotel employees promote in-role green performance? The role of culture. In Knowledge Management, Organisational Learning and Sustainability in Tourism (pp. 57-76). Routledge.	
70.	Võ Thanh Tân (2023). Do consumers stick with good-looking broadcasters? The mediating and moderating mechanisms of motivation and emotion. Journal of Business Research, 156, 113483.	
71.	Võ Thanh Tân (2023). Motives for posting fake reviews: Evidence from a cross-cultural comparison. Journal of Business Research, 154, 113359.	
72.	Võ Thanh Tân (2023). Green practices as an effective business strategy to influence the behavior of hotel guests in the luxury hotel sector: Evidence from an emerging market. Business Strategy and the Environment, 32(6), 3612-3627.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
73.	Võ Thanh Tân (2023). Perceived customer journey innovativeness and customer satisfaction: a mixed-method approach. <i>Annals of Operations Research</i> , 333(2), 1019-1044.	
74.	Võ Thanh Tân (2022). Investigating employees' deviant work behavior in the hotel industry during COVID-19: Empirical evidence from an emerging country. <i>Tourism Management Perspectives</i> , 44, 101042.	
75.	Võ Thanh Tân (2022). Handling counterproductive behavior caused by customer misbehavior during a pandemic: Integrating personal and organizational perspectives. <i>International Journal of Hospitality Management</i> , 107, 103335.	
76.	Võ Thanh Tân (2022). How does digital media engagement influence sustainability-driven political consumerism among Gen Z tourists?. <i>Journal of Sustainable Tourism</i> , 31(11), 2441-2459.	
77.	Võ Thanh Tân (2022). Shaping customer brand loyalty during the pandemic: The role of brand credibility, value congruence, experience, identification, and engagement. <i>Journal of Consumer Behaviour</i> , 21(5), 1175-1189.	
78.	Võ Thanh Tân (2022). Do international sanctions help or inhibit justice and sustainability in tourism?. <i>Journal of Sustainable Tourism</i> , 31(12), 2716-2733.	

2.4. Hợp tác quốc tế

Định hướng trở thành một trường đại học Việt Nam có vị thế về chất lượng được quốc tế công nhận, Đại học Công Nghệ Đồng Nai đã và đang không ngừng thúc đẩy, kết nối các đối tác quốc tế ở khắp các châu lục trên thế giới. Hợp tác quốc tế đã góp phần tích cực vào quá trình hội nhập quốc tế về chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động học thuật của Trường. Thông qua hợp tác quốc tế, chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học được tăng cường rõ rệt. Hàng năm cán bộ và giảng viên của Trường được cử đi tham dự các hội nghị khoa học và đào tạo ở nước ngoài. Số lượng cán bộ và giảng viên quốc tế đến giảng dạy và học tập tại Trường ngày càng tăng. Từ 2012 đến nay, trung bình mỗi năm Trường tiếp đón khoảng 20 lượt giảng viên và chuyên gia quốc tế đến giảng dạy, nghiên cứu, học tập và trao đổi. Kinh nghiệm hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học góp phần không nhỏ vào quá trình thiết lập vị thế của Trường trên bản đồ các cơ sở giáo dục và nghiên cứu khoa học quốc tế. Trong 5 năm gần đây, trung bình mỗi

năm có nhiều hợp đồng hợp tác quốc tế được ký mới và triển khai.

Riêng về hợp tác quốc tế trong hoạt động nghiên cứu khoa học cho chuyên ngành Quản lý kinh tế. Năm 2019, Khoa Kinh tế - Quản trị chủ trì, phối hợp với Khoa Kinh tế của Trường ĐH Tài chính và Kinh tế Zhejiang, Trung Quốc thực hiện đề tài “*Ứng dụng phương pháp phân hạng thứ bậc mờ và TOPSIS mờ đánh giá sự phát triển bền vững khu vực thành thị tại một nền kinh tế mới nổi*” và lấy bối cảnh của Việt Nam để thực hiện. Kết quả của nghiên cứu được công bố trên tạp chí Tạp chí quốc tế về nghiên cứu môi trường và sức khỏe cộng đồng (International Journal of Environmental Research And Public Health – thuộc danh mục ISI) đứng tên giảng viên của cả hai trường. Tiếp đến năm 2020, Khoa Kinh tế - Quản trị tham gia thực hiện đề tài “*Ảnh hưởng của thâm hụt thương mại đến sản lượng và việc làm: Bằng chứng từ nền kinh tế Hoa Kỳ*” do Khoa Kinh tế - Tài chính của Trường ĐH West Virginia Wesleyan, Hoa Kỳ làm chủ nhiệm đề tài. Kết quả của nghiên cứu này được đăng tải trên tạp chí Tạp chí Chính sách kinh tế và Kinh tế quốc tế (International Economics and Economic Policy thuộc danh mục ISI).

Riêng trong năm 2023, nhà trường đã đón tiếp 17 đoàn khách quốc tế đến làm việc và giao lưu. Ngoài ra, cũng trong năm 2023, nhà trường cũng tổ chức 11 chuyến đi nước ngoài cho sinh viên và giáo viên đến các trường đại học trên thế giới để giao lưu, học hỏi, kết nối nghiên cứu và đào tạo.

Bảng 6. Các chương trình trao đổi ngắn hạn

TT	Nội dung	Tổng số	Quốc gia
I	Số lượng sinh viên nước ngoài đến tham gia chương trình ngắn hạn theo chương trình hợp tác, trao đổi sinh viên trong năm 2023	25	Hàn Quốc Đài Loan
II	Số lượng sinh viên DNTU tham gia chương trình ngắn hạn theo chương trình hợp tác, trao đổi sinh viên trong năm 2023	39	Đài Loan, Hàn Quốc, Malaysia, Indonesia
III	Số lượng cán bộ, giảng viên, nhân viên DNTU tham gia chương trình ngắn hạn theo chương trình hợp tác, trao đổi sinh viên trong năm 2023	18	Đài Loan, Philippines, Indonesia, Hàn Quốc

Nhà trường đã chủ động đàm phán và ký kết với nhiều đối tác khác trong khuôn khổ quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện.

Bảng 7. Ký kết MOU năm 2023

Stt	Đơn vị / Tổ chức	Quốc gia	Thời gian ký kết	Ghi chú
1	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Quốc gia Đài Trung	Đài Loan	24/05/2023 (MoU)	
			21/8/2023 (MoA)	
2	Trường Đại học Quốc gia Chung Cheng	Đài Loan	21/09/2023	
3	Trường Đại học Sunlin	Hàn Quốc	17/10/2023	
4	Trường Đại học Văn hóa Trung Hoa	Đài Loan	09/11/2023	

5	Trường Kỹ thuật Ostrava	Cộng hòa Séc	18/11/2023	
6	Trường Đại học Minh Truyền	Đài Loan	28/11/2023	

2.4. Hợp tác doanh nghiệp

Hợp tác doanh nghiệp luôn là hoạt động được Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai quan tâm trong quá trình đào tạo. Từ năm 2014-2024, nhà trường đã ký kết hợp tác với 672 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai liên quan đến hoạt động đào tạo, thực tập. Bảng dưới đây liệt kê các hoạt động hợp tác doanh nghiệp trong quá trình đào tạo đến năm 2024:

Bảng 8. Hợp tác doanh nghiệp trong đào tạo năm 2024

STT	Tên đơn vị	Lĩnh vực hợp tác	Năm bắt đầu hợp tác	Loại hình
1	Trung Tâm Kinh Doanh VNPT Đồng Nai	Tiếp nhận sinh viên thực tập, việc làm	2024	
2	Công Ty Cổ Phần Bánh Kẹo Ito Nhật Bản	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	FDI
3	Công Ty Cổ Phần Bao Bì Biên Hoà (Sovi Offset)	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	
4	Công Ty Cổ Phần Đại Lực Đồng Nai	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	
5	Công Ty Cổ Phần Dương Đông	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	
6	Công Ty Cổ Phần Espace Business Huế Tại Đồng Nai	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	
7	Công Ty Cổ Phần Gạch Ngói Đồng Nai – Tuildonai	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	
8	Công Ty Cổ Phần Gỗ Dán Eco	Tiếp nhận sinh viên thực tập, việc làm	2024	
9	Công Ty Cổ Phần Ichinoyu	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	FDI
10	Công Ty Cổ Phần Logistics Hóa Chất Xanh	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	
11	Công Ty Cổ Phần Nông Nghiệp Xanh Trí Việt	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	
12	Công Ty Cổ Phần Sơn Sonata	Hợp tác xây dựng chương trình đào tạo tiếng Nhật và thực tập tại Nhật Bản cho sinh viên DNTU, việc làm	2024	

STT	Tên đơn vị	Lĩnh vực hợp tác	Năm bắt đầu hợp tác	Loại hình
13	Công Ty Giáo Dục Cổ Phần Tâm Việt Nam	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	
14	Công Ty TNHH Bao Bì Fuxinglong	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	FDI
15	Công Ty TNHH Cát Tường Hưng Thịnh	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	
16	Công Ty TNHH Chiến Thắng	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	
17	Công Ty TNHH Công Nghiệp Bao C.P Việt Nam	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	
18	Công Ty TNHH Đăng Long	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	
19	Công Ty TNHH Địa Ốc Dubailand	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	
20	Công Ty TNHH Dinh Dưỡng Vneb	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	
21	Công Ty TNHH Fishy Việt Nam	Hợp tác trong lĩnh vực đào tạo, thực tập, kiến tập, phát triển kỹ năng làm việc cho sinh viên DNTU Cung ứng nguồn nhân lực trong và ngoài nước Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, việc làm	2024	
22	Công Ty TNHH Giáo Dục Quốc Tế Konnichiwa	Tiếp nhận sinh viên thực tập, việc làm	2024	
23	Công Ty TNHH Hotel Koufuukan	Tiếp nhận sinh viên thực tập, việc làm	2024	FDI
24	Công Ty TNHH Jizaka	Khai thác tiềm năng cơ sở vật chất, con người, kinh nghiệm của hai bên. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao Tiếp nhận sinh viên DNTU đến thực hành và thực tập Tổ chức lớp tập huấn cho cán bộ, nhân viên của công ty, việc làm	2024	FDI
25	Công Ty TNHH Kenstone Việt Nam	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	FDI

STT	Tên đơn vị	Lĩnh vực hợp tác	Năm bắt đầu hợp tác	Loại hình
26	Công Ty TNHH Lotte Cinema Việt Nam	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	FDI
27	Công Ty TNHH MTV Đầu Tư Phát Triển Bửu Long	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	
28	Công Ty TNHH MTV Dương Tú Tuấn	Hợp tác trong lĩnh vực đào tạo, thực tập, kiến tập, phát triển kỹ năng làm việc cho sinh viên DNTU Cung ứng nguồn nhân lực Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, việc làm	2024	
29	Công Ty TNHH MTV Giáo Dục Việt Mỹ	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	
30	Công Ty TNHH MTV Mỹ Nghệ Tam Long	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	
31	Công Ty TNHH MTV Thiên Vũ Toàn	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	
32	Công Ty TNHH MTV Xây Dựng TMDV Tín Trường An	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	
33	Công Ty TNHH Nệm Hava'S	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	
34	Công Ty TNHH Newzone Gift & Décor	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	FDI
35	Công Ty TNHH Nhất A	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	
36	Công Ty TNHH Nội Thất Cẩm Phú	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	
37	Công Ty TNHH Ô Tô Việt Nhật	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	
38	Công Ty TNHH Pizza Việt Nam	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	
39	Công Ty TNHH Sản Xuất - Thương Mại - Dịch Vụ Toàn Tâm Phát	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	
40	Công Ty TNHH Sản Xuất Block Gạch Hữu Thắng	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	
41	Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Phú Toàn	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	
42	Công Ty TNHH Seebest	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	FDI

STT	Tên đơn vị	Lĩnh vực hợp tác	Năm bắt đầu hợp tác	Loại hình
43	Công Ty TNHH Suzuki Latex Việt Nam	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	FDI
44	Công Ty TNHH Tân Phát Tài	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	
45	Công Ty TNHH Thương Mại Nội Thất Mộc Tuấn Phát	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	
46	Công Ty TNHH Tm Phụ Tùng Xe Nâng Trường Phát	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	
47	Công Ty TNHH Tổng Hợp Á Châu	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	
48	Công Ty TNHH Tự Động Hoá Nam Sơn	Hợp tác trong lĩnh vực đào tạo, thực tập, kiến tập, phát triển kỹ năng làm việc cho sinh viên DNTU Cung ứng nguồn nhân lực Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, việc làm	2024	
49	Công Ty TNHH Xây Dựng Trường An Thịnh	Tiếp nhận sinh viên thực tập, việc làm	2024	
50	Công Ty Tonkatsu Rion Nhật Bản	Tiếp nhận sinh viên thực tập, việc làm	2024	FDI
51	Hiệp Hội Orient Human Design Inc., Nhật Bản	Khai thác tiềm năng trong lĩnh vực nông nghiệp Chia sẻ lĩnh vực quản lý tài nguyên và tiếp thị thương mại sản phẩm của Hội Chuyển đổi số và chuyển giao công nghệ Cung ứng nguồn nhân lực Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, việc làm	2024	Hiệp hội
52	Hội Nông Dân Tỉnh Đồng Nai	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	Hội
53	Hợp Tác Xã Hiệp Lực	Hợp tác trong lĩnh vực đào tạo, thực tập, kiến tập, phát triển kỹ năng làm việc cho sinh viên DNTU Cung ứng nguồn nhân lực Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, việc làm	2024	

STT	Tên đơn vị	Lĩnh vực hợp tác	Năm bắt đầu hợp tác	Loại hình
54	Hợp Tác Xã Nông Nghiệp Du Lịch Thác Đá Hàn	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	
55	Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín - Sacombank	Hợp tác trong lĩnh vực đào tạo, thực tập, kiến tập, phát triển kỹ năng làm việc cho sinh viên DNTU Cung ứng nguồn nhân lực Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, việc làm	2024	
56	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam (Chi Nhánh Biên Hòa - Đồng Nai)	Hợp tác trong lĩnh vực đào tạo Hợp tác trong lĩnh vực nguồn nhân lực Trao đổi học thuật, việc làm	2024	
57	Công Ty Cp Hữu Hạn Vedan Việt Nam	Tiếp nhận sinh viên thực tập, kiến tập, việc làm	2024	FDI
58	Công Ty TNHH Cung Ứng Nhân Lực Và Du Học Quốc Tế Đồng Nai	Hợp tác trong lĩnh vực đào tạo Hợp tác trong lĩnh vực nguồn nhân lực Du học và làm việc ngoài nước	2024	
59	Hội Kiểm Toán Viên Hành Nghề Việt Nam	Hợp tác trong lĩnh vực đào tạo Hợp tác trong lĩnh vực nguồn nhân lực	2024	Hội

3. Chương trình đào tạo

3.1. Xây dựng CTĐT

Chương trình đào tạo gồm 60 tín chỉ, bao gồm khối kiến thức đại cương là 10 tín chỉ. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp là 50 tín chỉ; trong đó, Thực tập và luận văn tốt nghiệp 15 tín chỉ, đào tạo trong vòng 02 năm. Chương trình đào tạo ngành Quản trị Kinh doanh trình độ thạc sĩ được xây dựng căn cứ theo:

- Luật 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 của Quốc hội về việc ban hành Luật giáo dục đại học và Luật 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Quyết định số 335/QĐ-ĐHCNĐN ngày 10/10/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

- Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

Trong quá trình xây dựng, Chương trình đào tạo được tham khảo các chương trình của các trường Đại học trong và ngoài nước, gồm: Australian National University, University of Technology Sydney, Đại học Thương Mại, Đại học Nha Trang, Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Thẩm định CTĐT

Chương trình đã được Hội đồng thẩm định thông qua ngày 29/6/2024.

3.3. Điều kiện tuyển sinh, Dự kiến tuyển sinh trong 5 năm đầu, địa điểm đào tạo

a) Điều kiện tuyển sinh:

Về đối tượng tuyển sinh

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp Đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp;

- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo của Trường;

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian bị thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự;

- Có đủ sức khỏe để học tập;

- Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Về điều kiện văn bằng

Tốt nghiệp đại học với các văn bằng cụ thể được quy định như sau:

Nhóm 1: Ngành phù hợp (ngành đào tạo ở trình độ đại học) bao gồm: Quản trị kinh doanh.

Nhóm 2: Các ngành phải học bổ sung kiến thức bao gồm: Các ngành gần (cùng mã cấp II) và các ngành khác (không cùng mã cấp II) đối với ngành Quản trị kinh doanh.

Đối với các ngành khác với ngành Quản trị kinh doanh, người dự tuyển phải có giấy xác nhận của cơ quan công tác về việc đang làm công việc có liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của lĩnh vực quản trị, quản lý.

Danh mục các học phần bổ sung kiến thức: Đối với đối tượng thuộc nhóm 2, danh mục các học phần bổ sung kiến thức gồm tối đa 6 học phần (18 tín chỉ):

STT	Học phần	Số tín chỉ
1	Quản trị học	3
2	Kinh tế vi mô	3
3	Kinh tế vĩ mô	3
4	Marketing căn bản	3
5	Nguyên lý kế toán	3
6	Lý thuyết tài chính - Tiền tệ	3
Tổng cộng		18

b) Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh trong 5 năm đầu:

Năm 2024: Tuyển sinh 50 học viên cho khóa đầu tiên.

Năm 2025: Tuyển sinh 70 học viên.

Năm 2026: Tuyển sinh 90 học viên.

Năm 2027: Tuyển sinh 110 học viên.

Năm 2028: Tuyển sinh 130 học viên.

c) Địa điểm đào tạo: Ngành sẽ đào tạo tại Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai.

3.4. Chuẩn đầu ra của CTĐT

Kiến thức	
PLO1: Vận dụng (Apply) được thế giới quan, phương pháp luận triết học và phương pháp nghiên cứu khoa học trong quá trình học tập và thực hiện công việc liên quan.	PI1.1. Vận dụng (Apply) được thế giới quan, phương pháp luận triết học trong quá trình học tập, nghiên cứu và thực hiện công việc. PI1.2. Vận dụng (Apply) phương pháp nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động thực tiễn.
PLO2: Tổng hợp (Synthesize) được các kiến thức chuyên sâu, tiên tiến về Quản trị kinh doanh để giải quyết các vấn đề phức tạp trong tổ chức.	PI2.1 Tổng hợp (Synthesize) được các kiến thức chuyên sâu về Quản trị kinh doanh để giải quyết các vấn đề phức tạp trong tổ chức. PI2.2 Tổng hợp (Synthesize) được kiến thức tiên tiến về Quản trị kinh doanh để giải quyết các vấn đề phức tạp của tổ chức.
PLO3: Tổ chức (Organize) thực hiện các chiến lược, chính sách về quản trị trong các tổ chức.	PI3.1 Tổ chức (Organize) thực hiện các chiến lược quản trị trong tổ chức. PI3.1 Tổ chức (Organize) thực hiện các chính sách về quản trị trong tổ chức.
Kỹ năng	
PLO4: Sử dụng thành thạo (Perfect) kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng mềm để học tập, nghiên cứu và làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa và hội nhập toàn cầu	PI4.1. Sử dụng thành thạo (Perfect) kỹ năng ngoại ngữ để học tập, nghiên cứu và làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa và hội nhập toàn cầu.

	PI4.2. Sử dụng thành thạo (Perfect) các kỹ năng mềm có được trong quá trình học tập để ứng dụng trong công việc thực tiễn và trong nghiên cứu
PLO5: Thực hiện thành thạo (Implement) kỹ năng tổng hợp, phân tích, đánh giá thông tin để đưa ra giải pháp cho các vấn đề quản trị và kinh doanh của doanh nghiệp một cách khoa học và hiệu quả	PI5.1: Thực hiện thành thạo (Implement) kỹ năng thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin về các vấn đề quản trị và kinh doanh của doanh nghiệp; PI5.2: Đánh giá (Evaluate) thông tin để đưa ra giải pháp cho các vấn đề quản trị và kinh doanh của doanh nghiệp một cách khoa học và hiệu quả.
PLO6: Thực hiện (Implement) nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng gắn liền với thực tiễn doanh nghiệp và sự phát triển ngành trong bối cảnh kinh tế, môi trường và xã hội toàn cầu	PI6.1: Xây dựng (build) được mô hình nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng gắn liền với thực tiễn doanh nghiệp và sự phát triển ngành trong bối cảnh kinh tế, môi trường và xã hội toàn cầu. PI6.2: Sử dụng thành thạo (Perfect) các kỹ thuật và công cụ xử lý dữ liệu trong nghiên cứu khoa học.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO7: Phát triển (Develop) năng lực thích ứng của bản thân trong môi trường đa văn hóa, có ý thức học tập suốt đời, có trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội, có năng lực dẫn dắt và truyền cảm hứng trong nghề nghiệp.	PI7.1. Phát triển (Develop) năng lực thích ứng của bản thân trong môi trường đa văn hóa. PI7.2. Hình thành (Perform) ý thức học tập suốt đời, có trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội, có năng lực dẫn dắt và truyền cảm hứng trong nghề nghiệp.

3.5. Kế hoạch đào tạo:

TT	Phân bộ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
1	1	CB80101	Triết học	4	60	60	0	0	0	BB	Không	Không	Không
2	1	CB80201	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
3	1	TA80301	Tiếng Anh B2	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
4	1	QL80002	Kinh tế học	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
5	1	QL81002	Quản trị Marketing	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
6	1	QT80001	Luật kinh doanh	2	30	30	0	0	0	BB	Không	Không	Không
7	2	QT80003	Quản trị nguồn nhân lực	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
8	2	QL80003	Phân tích định lượng trong kinh tế	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
9	2	QT81001	Trách nhiệm xã hội	3	45	45	0	0	0	TC	Không	Không	Không
10	2	QT81002	Quản trị chất lượng	3	45	45	0	0	0	TC	Không	Không	Không
11	2	QT81005	Hành vi tổ chức	3	45	45	0	0	0	TC	Không	Không	Không
12	2	QL81007	Lãnh đạo và quản lý	3	45	45	0	0	0	TC	Không	Không	Không
13	2	QT81004	Quản trị tài chính	3	45	45	0	0	0	TC	Không	Không	Không
14	3	QL80007	Quản trị chiến lược	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
15	3	QT80002	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
16	3	QT81009	Khoa học quản lý	3	45	45	0	0	0	TC	Không	Không	Không
17	3	QT81006	Phân tích đầu tư	3	45	45	0	0	0	TC	Không	Không	Không
18	3	QT81008	Quản trị hệ thống thông tin	3	45	45	0	0	0	TC	Không	Không	Không

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
19	3	QL81003	Quản trị chuỗi cung ứng	3	45	45	0	0	0	TC	Không	Không	Không
20	3	QT81003	Quản trị thương hiệu	3	45	45	0	0	0	TC	Không	Không	Không
21	3	QT81007	Quản trị đa văn hóa	3	45	45	0	0	0	TC	Không	Không	Không
22	4	QT80004	Chuyên đề nghiên cứu	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	QL80001
23	4	QT80005	Luận văn tốt nghiệp	12	180	0	0	180	0	BB	Không	Không	QT80002 QL80007 QL81002 QT80003 QT80004

4. Biên bản thông qua của Hội đồng Khoa học và đào tạo:

Đề án đã được Hội đồng khoa học và đào tạo trường thông qua (Biên bản kèm theo tại phụ lục của đề án).

5. Kế hoạch mua sắm Trang thiết bị, Giáo trình từ năm thứ 3 của ngành

5.1. Trang thiết bị

a) Phòng học và phòng nghiên cứu

Thiết bị trình chiếu: Mua sắm máy chiếu, màn hình LCD, và thiết bị điều khiển từ xa để hỗ trợ giảng dạy.

Máy tính và phần mềm: Trang bị máy tính cấu hình cao cho phòng học và phòng nghiên cứu, cài đặt các phần mềm phân tích dữ liệu và mô phỏng kinh doanh như SPSS, AMOS, và các phần mềm ERP.

Bàn ghế và nội thất: Mua sắm bàn ghế tiện nghi, phù hợp với môi trường học tập và nghiên cứu.

b) Phòng học trực tuyến và studio

Camera và micro: Trang bị camera HD và micro chất lượng cao cho phòng học trực tuyến và studio ghi hình bài giảng.

Hệ thống âm thanh: Lắp đặt hệ thống âm thanh chất lượng cao để đảm bảo âm thanh rõ ràng trong các buổi học trực tuyến và ghi hình.

Thiết bị livestream: Cung cấp thiết bị livestream để hỗ trợ các buổi học trực tuyến và hội thảo trực tuyến.

5.2. Giáo trình và tài liệu học tập

a.) Giáo trình chính

Mua sắm giáo trình: Mua các bộ giáo trình chính thức từ các nhà xuất bản uy tín, bao gồm các sách về quản trị kinh doanh, tài chính, marketing, nhân sự và chiến lược.

Tài liệu bổ trợ: Cung cấp các tài liệu bổ trợ như bài viết nghiên cứu, tạp chí khoa học và các báo cáo ngành.

b) Tài liệu điện tử

Thư viện điện tử: Mở rộng và cập nhật kho tài liệu điện tử, bao gồm các ebook, bài viết khoa học, và các cơ sở dữ liệu trực tuyến như JSTOR, ScienceDirect.

Phần mềm học tập: Cung cấp và cập nhật các phần mềm học tập, sách điện tử và tài liệu tham khảo trên nền tảng LMS của trường.

c) Tài liệu nghiên cứu

Tạp chí khoa học: Đăng ký mua các tạp chí khoa học chuyên ngành quản trị kinh doanh, tài chính, và kinh tế để hỗ trợ công tác nghiên cứu của sinh viên và giảng viên.

Báo cáo thị trường: Mua các báo cáo phân tích thị trường từ các tổ chức nghiên cứu và tư vấn kinh doanh để làm tài liệu tham khảo cho các dự án nghiên cứu.

5.3. Lộ trình thực hiện

Năm thứ 3:

Quý 1-2: Khảo sát nhu cầu cụ thể của sinh viên và giảng viên, lập danh sách trang thiết bị và giáo trình cần mua sắm.

Quý 3: Mua sắm và lắp đặt các trang thiết bị cần thiết cho phòng học và phòng nghiên cứu, cập nhật thư viện điện tử.

Quý 4: Đánh giá và điều chỉnh kế hoạch mua sắm, bổ sung các tài liệu học tập và nghiên cứu còn thiếu.

Năm thứ 4 và các năm tiếp theo:

Quý 1-2: Tiếp tục mua sắm các trang thiết bị mới theo nhu cầu phát sinh, cập nhật và bổ sung giáo trình, tài liệu học tập và nghiên cứu.

Quý 3-4: Đánh giá hiệu quả sử dụng trang thiết bị và giáo trình, điều chỉnh kế hoạch mua sắm và cập nhật thư viện điện tử.

Kế hoạch mua sắm trang thiết bị và giáo trình từ năm thứ 3 của ngành thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai sẽ góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu, đáp ứng nhu cầu học tập và phát triển của sinh viên và giảng viên trong môi trường giáo dục hiện đại.

6. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên để đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo

6.1. Tuyển dụng và bổ nhiệm giảng viên mới

a) Tuyển dụng giảng viên có trình độ tiến sĩ: Tuyển dụng giảng viên có trình độ tiến sĩ từ các trường đại học uy tín trong và ngoài nước, có chuyên môn sâu về các lĩnh vực quản trị kinh doanh, tài chính, marketing, nhân sự, và chiến lược.

b) Hợp tác với các chuyên gia và giảng viên thỉnh giảng: Mời các chuyên gia, giảng viên thỉnh giảng từ các trường đại học, viện nghiên cứu, và doanh nghiệp có uy tín để giảng dạy và hướng dẫn nghiên cứu.

6.2. Đào tạo và nâng cao trình độ cho giảng viên hiện tại

a) Tổ chức các khóa đào tạo và hội thảo chuyên đề: Tổ chức các khóa đào tạo, hội thảo chuyên đề về phương pháp giảng dạy, nghiên cứu khoa học, và cập nhật kiến thức mới trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. Mời các chuyên gia trong và ngoài nước đến giảng dạy và chia sẻ kinh nghiệm.

b) Hỗ trợ giảng viên tham gia các khóa học nâng cao trình độ: Tạo điều kiện cho giảng viên tham gia các khóa học thạc sĩ, tiến sĩ, và các chương trình đào tạo ngắn hạn tại các trường đại học uy tín trong và ngoài nước. Hỗ trợ tài chính và thời gian cho giảng viên đi học nâng cao trình độ.

6.3. Phát triển kỹ năng nghiên cứu và công bố khoa học

a) Hỗ trợ giảng viên tham gia các dự án nghiên cứu: Tạo điều kiện cho giảng viên tham gia và chủ trì các dự án nghiên cứu khoa học, đặc biệt là các dự án liên quan đến quản trị kinh doanh. Cung cấp kinh phí và hỗ trợ kỹ thuật cho các dự án nghiên cứu.

b) Khuyến khích công bố bài viết khoa học: Khuyến khích giảng viên công bố bài viết khoa học trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế. Tổ chức các hội thảo, seminar để giảng viên trình bày và trao đổi kết quả nghiên cứu.

6.4. Tạo môi trường làm việc và phát triển nghề nghiệp

a) Xây dựng chính sách đãi ngộ hấp dẫn: Xây dựng các chính sách đãi ngộ hấp dẫn

về lương, thưởng, và các phúc lợi khác để thu hút và giữ chân giảng viên có trình độ cao. Đảm bảo môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp và có cơ hội phát triển nghề nghiệp.

b) Tạo cơ hội thăng tiến và phát triển nghề nghiệp: Đề ra các tiêu chí rõ ràng cho việc đánh giá, thăng tiến và bổ nhiệm giảng viên. Tạo điều kiện cho giảng viên tham gia các chương trình đào tạo lãnh đạo, quản lý giáo dục.

6.5. Lộ trình thực hiện

Năm thứ 1-2:

Tuyển dụng và bổ nhiệm giảng viên mới, đặc biệt là giảng viên có trình độ tiến sĩ.

Tổ chức các khóa đào tạo, hội thảo chuyên đề và hỗ trợ giảng viên tham gia các khóa học nâng cao trình độ.

Năm thứ 3-4:

Tiếp tục đào tạo và nâng cao trình độ cho giảng viên hiện tại.

Hỗ trợ giảng viên tham gia các dự án nghiên cứu và công bố bài viết khoa học.

Đánh giá và điều chỉnh chính sách đãi ngộ, thăng tiến và phát triển nghề nghiệp.

7. Phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro

Quá trình triển khai chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, một số rủi ro có thể xảy ra như: Không tuyển sinh được; đóng chương trình đào tạo; rủi ro trong vận hành như việc thay đổi quy chế, thiếu nguồn lực và những rủi ro khách quan khác cần được quan tâm phòng tránh.

7.1 Rủi ro về tuyển sinh

Tuyển sinh là một trong những mục tiêu và nhiệm vụ quan trọng của một trường đại học. Tuy nhiên, trên thực tế một số rủi ro có thể gặp phải liên quan đến tuyển sinh như: không tuyển đủ chỉ tiêu, dừng chương trình đào tạo do 3 năm liên tiếp không tuyển sinh được.

Biện pháp phòng ngừa và giải pháp:

Hạn chế rủi ro trong không tuyển sinh đủ chỉ tiêu, Nhà trường xây dựng và đẩy mạnh chiến lược truyền thông về chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị Kinh doanh. Trong đó, hướng đến đối tượng là cựu người học của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai và một số trường đại học trên địa bàn; đặc biệt đối tượng là những cán bộ, chuyên viên làm việc trong các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước và ngoài nhà nước, giảng viên các trường đại học mà trường đã có kinh nghiệm tuyển sinh nhiều năm qua từ chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và các khu vực khác. Kế hoạch truyền thông cũng đưa ra nhiều chính sách và cơ hội việc làm liên quan như Cán bộ quản lý trong các tổ chức, giảng viên, nghiên cứu viên, ... để thu hút những ứng viên có chuyên môn, có năng lực phát triển nghề nghiệp theo hướng chuyên sâu.

Về rủi ro ngừng chương trình đào tạo, trường sẽ tiếp tục triển khai và tạo điều kiện để học viên hoàn thành chương trình học, vấn đề này nằm trong năng lực và khả năng của Nhà trường.

7.2 Rủi ro trong vận hành

Vấn đề rủi ro thường xảy ra là việc thay đổi các quy định, quy chế đào tạo của

trường xuất phát từ những thay đổi, điều chỉnh quy định, quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cũng như những thay đổi trong các quy định, quy chế của trường trong từng giai đoạn. Nhằm hạn chế rủi ro, các quy định, quy chế đào tạo thay đổi, điều chỉnh theo hướng chỉ vận dụng đối với khóa tuyển sinh sau khi quy định, quy chế có hiệu lực. Trường hợp các thay đổi, điều chỉnh cần áp dụng cho các khóa đang đào tạo, Nhà trường sẽ thông báo cụ thể đến người học trước khi thực hiện, được công bố công khai trên hệ thống truyền thông của trường và có hướng dẫn, tư vấn để các nội dung thay đổi, điều chỉnh được triển khai thuận tiện.

Một rủi ro khác trong vận hành là thay đổi nhân sự quản lý chương trình đào tạo, thay đổi vị trí công tác. Để giảm thiểu rủi ro từ vấn đề này, trước hết Nhà trường tiếp tục triển khai nhiều cơ chế như ký hợp đồng không xác định thời hạn, nâng cao chế độ vật chất, văn hóa tạo điều kiện tốt để nhân sự an tâm công tác, gắn bó lâu dài, phát huy năng lực cá nhân và tính trách nhiệm. Cùng với đó, trường tăng cường chính sách tuyển dụng bổ sung đội ngũ nhân sự giảng dạy, nghiên cứu viên, giảng viên đủ điều kiện, cùng với việc đẩy mạnh hoạt động đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực hiện tại, chuẩn hóa trình độ và kỹ năng nghề nghiệp.

7.3 Rủi ro từ môi trường bên ngoài

Trong những năm qua, cả nước gặp nhiều khó khăn, thử thách từ ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19, tác động đến nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội trong đó có hoạt động giáo dục, đào tạo ảnh hưởng rất nặng nề. Trong tình hình đó, nhà trường đã tăng cường các biện pháp phòng ngừa dịch bệnh trong trường, một mặt hỗ trợ nhân lực và cơ sở vật chất cho địa phương trong chiến dịch phòng chống dịch bệnh, đồng thời nhà trường tiến hành đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động của trường để duy trì các hoạt động, nhất là hoạt động đào tạo được duy trì (giảng dạy trực tuyến), đảm bảo tiến độ đào tạo bên cạnh duy trì, đảm bảo chất lượng đào tạo. Kinh nghiệm này đã giúp nhà trường có nhiều kinh nghiệm, tăng cường ứng dụng công nghệ để tự tin ứng phó với những tình huống tương tự.

7.4 Các giải pháp giảm thiểu rủi ro

7.4.1 Giải pháp giảm thiểu rủi ro từ dịch bệnh

Dịch bệnh luôn là vấn đề có nguy cơ xảy ra và ở những mức độ khác nhau và tiềm ẩn nhiều tác động tiêu cực đến các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội và hoạt động của các tổ chức. Để hạn chế rủi ro từ dịch bệnh, nhà trường đã chuẩn bị dự phòng các nguồn lực, giải pháp để hạn chế, khắc phục ảnh hưởng của dịch bệnh đến hoạt động đào tạo như:

- Tăng cường hơn nữa ứng dụng công nghệ:

Triển khai ứng dụng mạnh công nghệ hỗ trợ trong giảng dạy, tăng cường đầu tư và khai thác hiệu quả phương tiện, trang thiết bị công nghệ hiện đại như bảng điện tử thông minh, hệ thống máy laptop thay máy tính bàn, hệ thống bàn học thông minh; các phần mềm quản lý hành chính quản trị, quản lý đào tạo Canvas, Amis, electude, ... để triển khai hoạt động đào tạo và quản trị hành chính học vụ.

- Đầu tư, phát triển và khai thác nguồn dữ liệu số trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu, tạo thuận tiện và cho phép giảng viên, người học trong và ngoài trường khai thác sử dụng, chia sẻ các nguồn học liệu, dữ liệu giữa các cơ sở đào tạo trên nguyên tắc cộng tác, đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ, xóa bỏ giới hạn về không gian, giúp nâng cao hiệu quả cũng như chất lượng trong các hoạt động đào tạo của nhà trường và hoạt động học tập, nghiên cứu của người học.

- Tăng cường hoạt động học trực tuyến của người học với thời lượng từ 25% đến 30% với phương thức học lai ghép (hybrid). Hoạt động giảng dạy triển khai kết hợp giữa truyền thống và trực tuyến để phát huy kỹ năng vận dụng công nghệ số trong giảng dạy và học tập.

7.4.2 Giải pháp đối với rủi ro trong trường hợp đình chỉ ngành đào tạo

Giải pháp xử lý trong trường hợp ngành đào tạo bị đình chỉ được Nhà trường triển khai như sau:

- Đối với người học:

Trường sẽ hỗ trợ tài chính và học vụ để người học tiếp tục học tập cho tới khi hoàn thành chương trình đào tạo theo như cam kết giữa trường và người học, thông qua việc nhà trường tiếp tục cung ứng khóa học, kết quả khóa học và hỗ trợ cho người học không bị thay đổi trong quá trình giảng dạy.

Không có học viên nào được ghi danh kể từ khi đình chỉ ngành đào tạo. Những học viên đang theo học thì khóa học vẫn được tạo điều kiện để hoàn tất chương trình. Đối với học viên đang trong giai đoạn làm luận văn tốt nghiệp sẽ tiếp tục làm việc với giảng viên hướng dẫn để hoàn tất. Những học viên đang học các học phần thì nhà trường sẽ tiếp tục giảng dạy hoặc học viên có thể tham gia tại các cơ sở đào tạo khác (các cơ sở đào tạo chấp nhận chuyển tiếp tín chỉ) và được xét công nhận hoàn tất học phần, tích lũy tín chỉ trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

- Đối với Nhà trường:

Nhà trường tiến hành ký kết thỏa thuận giảng dạy bằng văn bản với các cơ sở đào tạo khác có đào tạo thạc sĩ Quản trị Kinh doanh để phòng ngừa rủi ro trong trường hợp ngành đào tạo bị đình chỉ, điều này giúp quản lý và hạn chế bớt rủi ro, không ảnh hưởng đến danh tiếng của trường, đảm bảo sự công bằng và quyền lợi cho người học.

Trường hợp người học muốn chuyển sang chương trình học tại một cơ sở đào tạo khác, nhà trường sẽ hỗ trợ và tạo điều kiện trong học vụ như cấp bằng điểm, chứng nhận học phần, chuyển đề đã hoàn tất, xác nhận đơn xin chuyển.

- Đối với giảng viên:

Những học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị Kinh doanh phải có sự tham gia của giảng viên cơ hữu của trường và giảng viên thỉnh giảng; đối với việc viết luận văn thì của mỗi học viên được phân công 02 giảng viên (01 thuộc trường và 01 ngoài trường).

- Đối với các bên liên quan:

Các bên liên quan như doanh nghiệp, cơ quan nhà nước hay các đối tượng trong phạm vi nghiên cứu của các luận văn, Nhà trường sẽ xây dựng chính sách bảo mật, lưu giữ thông tin để không gây hậu quả cho đối tượng liên quan. Các đối tượng nghiên cứu của các luận văn được thông báo về chính sách bảo mật thông tin và được yêu cầu xác nhận. Công tác bảo mật được nhà trường xây dựng theo quy định lưu trữ văn bản theo Quyết định số 1032/QĐ-BNV ngày 01/12/2020 Ban hành Quy chế công tác văn thư, lưu trữ của Bộ Nội vụ.

III. Đề nghị và cam kết thực hiện

1. Địa chỉ website đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học

Địa chỉ website: <https://dntu.edu.vn>

Trang thông tin được thường xuyên cập nhật những thông tin hoạt động diễn ra trong trường. Trên đó: trường công bố các điều kiện đảm bảo chất lượng (theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017), kết quả kiểm định chất lượng giáo dục tại mục “Đảm bảo chất lượng”. Thông tin sinh viên tốt nghiệp có thể được tra cứu nhanh chóng, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp được khảo sát và công bố hằng năm; Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra được công bố cho sinh viên biết; mức học phí được công bố theo khóa học.

2. Đề nghị của cơ sở đào tạo

Từ các căn cứ khoa học cũng như thực trạng đào tạo và nhu cầu nhân lực ngành Quản trị Kinh doanh trình độ thạc sĩ; với sự chuẩn bị về đội ngũ giảng viên, kỹ thuật viên và cơ sở vật chất, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai kính đề nghị được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo ngành Quản trị Kinh doanh trình độ thạc sĩ - mã ngành 8340101 kể từ năm 2024.

3. Cam kết triển khai thực hiện

Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai cam kết thực hiện đúng các yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo chất lượng đào tạo.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thúy Lan Chi